

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|----------------|
| — Tín ngưỡng | VŨ VĂN HIỀN |
| — Ngã ba (kịch) | ĐOÀN PHÚ TỪ |
| — Câu chuyện « cô Kiều bị bắt » | HOÀNG X. HẪN |
| — Vấn-đề giáo dục | PHẠM LỢI |
| — Xã hội Việt-nam từ thế kỷ thứ XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Một bài thơ Lỗ Tấn: « Bóng từ già người » | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Vấn đề giáo dục vệ-sinh | VŨ VĂN CẦN |
| — Trò Lưu Bình Dương Lễ. | NG XUÂN KHOÁT |
| — Các lỗi hải hước của người Pháp và Nam và cách phản ngữ trong văn chương | VŨ BỘI LIÊU |
| — Ý kiến bạn đọc: Viên phượng | PHẠM CHÍ LƯƠNG |
| — Cuộc tiến hóa của nền tư bản Âu-Tây | VŨ VĂN HIỀN |
| — Việc quốc tế | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Đọc sách mới | L. H. V. |

TÍN-NGƯỞNG U'Ồ'NG

Ở nước Pháp, Thống-chế Pé-tain đã hô-hào quốc-dân bỏ hết sự chia-rẽ về đảng-phái, phân-biệt về giai-cấp để đồng lòng phụng-sự quốc-gia. Khẩu-hiệu ấy thật thích-hợp cho tinh-thể nước ta.

Chúng ta phải lấy quyền-lợi của quốc-gia làm mục-đích cho mọi sự hành-động và gây một tín-ngưỡng chung trong quốc-dân Việt-Nam.

Ngày xưa ở xứ ta, những nhời răn gi dạy của Khổng-giáo là một khuôn-mẫu tinh thần chung cho tất cả sĩ-tri và từ phái trí-thức đến những phái khác trong quốc-dân không có sự gián đoạn của hai lối nghĩ, hai lối sống khác nhau. Người hướng dẫn và kẻ đi theo cùng chung một thứ ngôn-ngữ, giai-cấp trên và giai cấp dưới cùng cảm-kích, cùng tư-tưởng theo một dịp. Một ý-kiến, một phong-trào khởi-phát từ trên vì thế dễ vang đến toàn thể xã-hội.

Đó là một điều lợi của sự chung sống riêng từ bao nhiêu thế-kỷ.

Nhưng quãng lịch-sử ấy nay đã qua, ta không mong sống mãi với quá-khứ; ta cũng không tiếc rằng đã để cho tâm-trí ta trực-tiếp với những tình-tình tư-tưởng mới lạ và phức tạp.

Cuộc sinh-lồn của ta là nhờ ở sự ta biết ứng-hợp hay không với những hoàn cảnh mới, và chính vì không hiểu sớm nhẽ ấy nên bao nhiêu sự nhầm nhò đáng tiếc đã xảy ra trong lịch-sử nước ta.

Đề phản-động lại sự yếu đuối về tinh-thần ấy, và bị những cuộc thay đổi chung quanh kích-thích, thể-hệ ta đã biết sự cần thiết của một tín-ngưỡng mạnh mẽ.

Tín-ngưỡng đó ta không cần phải mượn ở một thuyết-lý khó khăn nào, mà cũng không cần đi tìm kiếm ở một phương trời nào xa lạ. Nó đã in sâu trong tâm hồn ta.

Đó là tín ngưỡng vào quốc-gia và chủng-tộc Việt-Nam.

Trải qua bao nhiêu đời, dân ta chỉ quan-niệm quốc-gia và chủng-tộc như một giòng họ, một đại-gia-đình. Tư-tưởng tổ-quốc vì thế đã reo rắc trong tâm hồn ta từ thuở nhỏ, bằng sự thờ cúng tổ tiên và những lý-thuyết phụ-quyền đầy rẫy trong phong-giao tục-ngữ, và những trang sách của nho giáo.

Vì thế giữ lịch-sử, ta không ngạc nhiên khi thấy tinh-thần quốc-gia sôi nổi lần lượt gây nên những thời kỳ oanh liệt rồi lại chếp những trang đau đớn nhưng vẻ-vang.

VŨ VĂN HIỂN

Vì thế qua những phút nghiêm trọng của hiện tại, ta cũng không ngạc nhiên khi thấy, bỏ mọi sự phân

chia về ý-trí, về sở thích cá-nhân, những phần-lữ giác-ngộ không hẹn mà cũng gặp nhau trước bàn thờ tổ-quốc.

Tìm-tòi suy-nghĩ trong phạm-vi khoa-học, sáng tác trong văn-thơ nghệ-thuật hay hành động về xã-hội, chính-trị hay kinh tế, mỗi người theo một đường nhưng vẫn do một sức mạnh hướng dẫn, — sức mạnh của tinh-thần quốc-gia. Những đặc tính hay mà ta muốn nêu ra, cái năng-lực mà ta muốn phát triển, những quyền lợi mà ta muốn chống-giữ, là những đặc-tính, năng-lực, quyền-lợi của quốc-dân Việt-Nam.

Đã có những lúc người ta công-kích chế độ quốc-gia, và chế độ tinh-thần dân-tộc: nhưng những ý-tưởng ấy xấu-xa mạnh mẽ đến nỗi chỉ cần một sự kích-thích mạnh cũng đủ làm cho những nhời chế độ và công kích kia tan nát hời. Rồi trong lúc khủng hoảng, cái tinh thần chủng tộc lại tỏ ra, rõ ràng như một tín-ngưỡng duy nhất để hướng dẫn ta.

Vậy ta không còn ngần ngại gì mà không kết luận rằng tín-ngưỡng của thể-hệ ta là tín-ngưỡng vào tương lai của quốc-gia.

Từ trước đến nay tín-ngưỡng ấy vẫn làm nguyên nhân cho sự tìm tòi và sáng tác về lý-trí của bao nhiêu lớp trí-thức. Nay nó phải hơn thế: nó phải thành một sức mạnh để điều khiển từ công việc nhỏ đến công việc lớn, thành một mục thước để phân biệt điều nên làm với điều phải tránh, để định giá-trị xã-hội của mọi người trong quốc-dân.

Tuy nhiên tín-ngưỡng đó không phải làm cho ta mờ-quáng không trong thấy sự tiến hóa của nhân loại.

Nhiều khi ta phải hy-sinh những ý riêng, những quyền lợi riêng đáng tôn trọng để mong tới một thời kỳ tiến bộ và thịnh-vượng hơn quãng đời đương qua.

. chỉ cốt phát triển bản năng của dân tộc Việt-Nam, và theo đuổi những quyền lợi của quốc-gia Việt-nam, đó là phương-tram thiết-thực và dẫn-dị nhất của chúng ta.

Cũng còn có những quyền lợi to tát hơn thế, cũng còn có những năng lực đẹp đẽ hơn thế. Đề phụng sự các thứ đó đã có những tài-trí nhiều và xấu sắc hơn chúng ta.

Hiểu rõ và phụng sự đủ quốc-dân ta, ta cũng đã giúp một phần lớn vào những đoàn-thể và công cuộc lớn lao kia rồi.

V. V. H.

VIỆC

BẢO THANH - NGHỊ

In lại các số cũ

Đến ngày hôm nay đã có tới hơn một nghìn rưỡi bạn nhận trước mua những số báo cũ in lại (từ số 1 đến số 14) tức là đã quá số dự định nhiều. Chúng tôi đang thu xếp công việc để có thể thực hành ý định. Xin các bạn rón chờ ít lâu: Chúng tôi còn phải xin phép và tìm mua giấy để in. Vấn-đề thứ hai thực rất gay-go vì hiện giờ giấy in khan và giá cao vô cùng.

ĐÃ CÓ BẢN:

THI NHÂN VIỆT-NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

Hình ảnh một thời-đại độc nhất vô nhị trong thi ca nước nhà

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa-sĩ NGUYỄN ĐỒ CUNG

Giá bán loại thường 4\$50, loại bouffant hảo hạng 7\$00, loại vergé baroque crême 20\$00.

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản
Boîte postale 34, Hué

HAI THỨ HAI

Cảnh thứ nhất.

Vãn cảnh-tri hồi trước. Cửa sổ và cửa ra vào phía vườn đều mở rộng. Vài chiếc ghế nhẹ treo ở hàng hiên. Ráng chiều vàng rực bên ngoài. Ánh nắng chiều hôm còn bên trên lùm cây. Xa xa rừng núi thấp trùng.

LỚP THỨ NHẤT

MẠNH, LƯỢNG, TUYỀN

Mở màn lên thì Mạnh vẫn đứng giữa nhà, trong dáng điệu cuối cùng hồi trước, dăm dăm nhìn mấy chiếc ghế vắng người và cái lò sưởi tro tàn. Lượng và Tuyền ngồi im lặng ngoài hiên. Một lát sau Mạnh trở mình nhìn khắp phòng, nét mặt bán khoăn lăm. Ông có tiếng kèn thổi ở ngoài hiên.

MẠNH. — Ai ở ngoài đó?
(không ai đáp.) Ô hay! ai ở ngoài hiên mà không lên kèn. (gắt.) Ai ngồi ở kia?

Tuyền và Lượng đứng dậy, vào gần Mạnh.

LƯỢNG, vẫn say, tay cầm cái kèn. — Cái gì, hả? Anh muốn cái gì? Làm sao mà gắt? Đói, hả? A, đói thì ăn chứ làm sao mà gắt? (Thổi kèn.)

MẠNH, hét lên. — Phải, bây giờ chính là lúc cười cợt, bông lơn! Hát lên, múa lên, và thổi kèn nữa đi.

LƯỢNG. — Và hét to nữa lên, cho anh Hùng thức dậy.

MẠNH. — Hà, anh Hùng, anh Hùng! người ta không phải sống đời mà lo cho anh Hùng! Còn tôi, tôi, ai lo cho tôi?

LƯỢNG. — Ma làm, hả? (kéo Tuyền ra một chỗ.) Anh có số thờ Ông Cọp mà không chịu thờ, nên Ông-lớn hành đày mà, biết chưa?

Mạnh chạy vào ra vườn như người điên.

LỚP THỨ HAI

LƯỢNG, TUYỀN.

TUYỀN. — Ông ấy làm sao thế?

LƯỢNG. — À, ông ấy lên đồng ông Cọp Sám.
(Thổi kèn.)

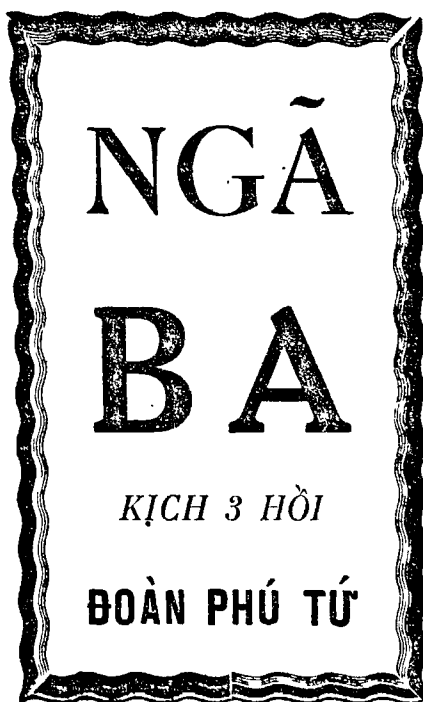
TUYỀN. — Tôi chưa thấy nhà nào lạ lùng như nhà này.

LƯỢNG. — Làm sao?

TUYỀN. — Ai cũng gần điên cả.

LƯỢNG. — Gần thôi à? (Thổi kèn.) Cô ta bao nhiêu tuổi?

TUYỀN. — Cô nào?



LƯỢNG, phá lên cười. — Ha ha ha! hô hô hô! hi hi hi! Ôi Bộc ơi là Bộc ơi, lên đây mà nghe chuyện! ô hô hô! a ha ha!

TUYỀN. — Có cái gì mà ông cười?

LƯỢNG. — Thật là cái tuổi hai-mươi. Hi hi hi!

TUYỀN. — Ông hỏi cô-ta bao nhiêu tuổi, thì tôi hỏi lại « cô nào? » thế thì làm sao?

LƯỢNG. — Làm sao? Làm sao à? Hà hà! Mới tối hôm qua người-ta đâm đầu xuống suối, đến chiều nay đã quên không biết là cô nào rồi. Ô hô hô!

TUYỀN. — À bởi vì tôi tưởng ông hỏi cô...

LƯỢNG. — Cô nào? Bây giờ đến lượt tôi hỏi lại.

TUYỀN. — Cô bé mới đến

đây hôm qua.

LƯỢNG, nhìn vào mắt Tuyền. — Á, á, á... nhử... nhử!

TUYỀN. — Thế là nhử gì?

LƯỢNG. — Thế nghĩa là: bạn sau ta có tự-tử vì một cô bé nào, thì ta hãy đi xem một quả bóng, xem có một cô bé thứ hai nào sẽ đến làm cho ta quên ngay cô bé thứ nhất hay không. Để xem chết đã đáng sợ chưa, hay là chết oan. (Thổi kèn.)

TUYỀN. — Tôi thú thực là tôi không hiểu ông định nói gì.

LƯỢNG. — Tôi cũng không hiểu tôi định nói gì.
(Thổi kèn.) Thế cô ta bao nhiêu tuổi?

TUYỀN. — Mười-tám.

LƯỢNG. — Mà cô nào chứ? (Tuyền ngơ ngác.) Bởi vì cô bé đêm qua mới có mười-ba.

TUYỀN. — Mười-ba?

LƯỢNG. — Phải, mười-ba. Thế thì đã việc gì đến ai, mà đã ngơ ngơ ngác ngác thế kia, hử cái con người hai-mươi tuổi chẵn?

TUYỀN. — Thật ông ác vô cùng.

LƯỢNG. — Ác?

TUYỀN. — Ông nở điệu cợt một người đau khổ?

LƯỢNG. — Ông muốn tôi nói đúng đắn? Và khuyên nhủ? Vậy tôi thực lòng khuyên ông câu này. Ông hãy thực lòng nghe tôi. Lại tự-tử đi. (Thổi kèn.) Nếu không, thì uống rượu. Ở đời, ngoài cái chết ra, không gì thú bằng say rượu, và rượu say không gì thú bằng thổi kèn. Nhưng mà cái tên Bộc gù lưng, chết đâm chết vằm, nó còn giấu ngón, làm cho tôi chột vật từ sáng chưa thổi thành được một điệu « xuân-nữ » (Lại thổi kèn.)

LỚP THƯ BA
thêm CẦM, rồi THI.

CẦM.— Lượng ơi, Mạnh làm sao thế?

LƯỢNG.— Làm sao?

CẦM.— Tôi vừa thấy hốt hơ hốt hải chạy bằng băng xuống dốc đồi, gọi thế nào cũng không quay lại.

LƯỢNG.— Hẩn chạy từ đây ra đấy mà.

CẦM.— Thế làm sao?

LƯỢNG.— Hồi cái tuổi hai-mươi này thì biết.

TUYỀN.— Tôi có biết gì đâu?

LƯỢNG.— Hai-mươi tuổi là cái gì cũng chóng quên. Tôi vừa mới bảo là ông Mạnh lên đồng Quan-lớn, có phải không?

CẦM.— Thế nghĩa là cái gì?

LƯỢNG.— “ghĩa là Ông Cọp Sám ộp đồng vào anh Mạnh. Thờ thì khỏi (Thôi kèn.)

CẦM.— Anh điên à?

LƯỢNG.— Lần đầu tiên, tôi thấy anh nói một câu chí lý. (Thôi kèn. Thi ra.)

THI.— Lượng này! Lão Bộc gù nó đương khóc một mình ở dưới bếp đấy.

LƯỢNG.— Làm sao?

THI.— Nó mất cái kèn, không biết đưa nào ăn cắp. Ai đồ nó cũng không nín.

LƯỢNG.— Vậy à? Thế thì Lượng này lại phải xuống bếp. Nhân tiện nhà trước một chiếc tôi gà. (lời Tuyên vào. Vừa đi vừa thổi kèn. Đến cửa còn quay lại nói với:) Các anh có biết gì không? Ông lão tám-mươi và cô bé mười-sáu đến nhà này đêm qua, và hiện đương câu cá dưới chân đồi, các anh có biết là ai không? Đây là hai ông cháu hồ-ly ở một truyện Liêu-trai hiện ra để làm cho anh Mạnh mất hồn, và chàng bai mươi này thôi không tự-tử nữa. Các anh nên coi chừng.

Lượng và Tuyên vào.

LỚP THƯ TƯ

CẦM, THI

THI.— Câu cá dưới chân đồi? Bao giờ? Tôi vừa thấy hai ông cháu hái hoa và nhặt cỏ ở vườn bên.

CẦM.— Nhưng mà Lượng nói đúng. Từ đêm qua đến giờ, Mạnh đổi khác nhiều lắm. Và cái anh chàng tự-tử hụt kia cũng thấy ngẩn ngơ thờ thẩn lạ lùng.

THI.— Không phải chỉ có hai người đổi khác. Tôi thấy hình như giới đất cũng đổi khác từ đêm qua.

CẦM.— Có phải không? mà cái ông già và cái cô bé họ ở đâu tới, rồi đi đâu, và dừng chân lại đây làm gì? Họ chầm chút cửa nhà vườn ruộng của anh Hùng như chính họ sắp thay anh Hùng làm chủ-nhân cái gia-sản này vậy. Anh có nhớ...

THI.— A! hay là chính họ đứng mua cái ấp này?

CẦM.— Không. Mua cái ấp này là một người Tây già kia mà.

THI.— Thế thì...

CẦM.— Thế thì tôi cũng không còn hiểu gì nữa. Nhưng mà họ làm gì thì họ làm, tôi cũng chỉ cho là một ông già lẩm cẩm và một cô bé thơ dại mà thôi. Thực không có liên lạc gì đến tôi cả. Vậy mà tôi thấy bồn chồn khó chịu lạ thường. Không còn cái thần nhiên bình tĩnh mọi khi nữa.

THI.— Tôi cũng nhận thấy thế. Mà không có cơ gì để ghét họ cả. Minh chỉ thấy ghét mình hơn.

CẦM.— Tôi chỉ cứ muốn đập vỡ một cái gì, xô dấn một cái gì thực to lớn cho đổ vỡ tan tành, cho giải thích được một cái bức bối gì ghê gớm lắm.

THI.— Tôi thì tôi thấy đỡ vỡ cả rồi. Tất cả đã tan ra tro bụi trong đầu óc tôi từ đêm qua. Có một cái chết, mà tôi vẫn mong mỏi, vẫn vượt ve như một mối tình trác-tuyệt, đến bây giờ cũng làm cho tôi ghê tởm nổi, thì tôi còn biết bầu búa vào cái gì để mà sống bây giờ? Tôi còn biết tựa vào cái gì để tôi vẫn là tôi một cách vững vàng, để cái gì chút “tôi” con lại này khỏi tan ra tro bụi nổi? (ôm mặt, ngồi vát xuống ghế.)

CẦM.— Tôi càng thấy lời anh Lượng nói trong lúc say là đúng. Quả thực họ là những giống yêu-quái hiện hình trong những ngày tai họa. Anh có thấy không? Họ vừa đến đêm qua. Thế là sáng hôm nay tán loạn cả thôn ấp này. Anh Hùng bán ấp, và nhất định không tiếp chuyện một người nào cả, cũng không mở cửa cho anh Mạnh vào thăm nữa, chỉ tiếp có một ông già kia mà thôi tôi chắc họ là một giống yêu quái gì hiện lên để gieo tai họa cho cái nhà này. Tôi muốn tìm cách đuổi họ đi ngay bây giờ, để đêm nay chúng ta cố tìm một giấc ngủ yên lành. Sáng mai đây, ta sẽ coi ngày hôm nay là một cơn ác mộng. Đuổi họ đi! Làm thế nào đuổi được hai người đi ngay bây giờ?

Ngay lúc đó, Mạnh hiện lên ngoài khung cửa.

LỚP THƯ NĂM

CẦM, THI, MẠNH.

MẠNH.— Các anh bàn chuyện đuổi ai? Anh Cầm anh muốn đuổi hai người nào?

THI.— Anh Mạnh à, anh có thấy rằng hai ông cháu cô bé.

MẠNH.— À, các anh muốn đuổi hai người đó? Các anh có quyền gì mà đuổi người ta? Từ khi hai người đó đến nhà này thì cái địa vị của chúng ta không còn gì nữa, và anh Hùng đã quên hẳn chúng ta, chỉ còn muốn tiếp chuyện có ông cụ già lạ lùng kia, các anh không nhớ hay sao? Các anh có biết ông lão già và cô bé cháu kia là ai không?

CẦM.— Họ là những giống yêu-quái hiện hình để làm náo-dộng những cuộc đời bình tĩnh ..

MẠNH.— Những cuộc đời bình tĩnh bấy lâu vẫn đè nặng nề lên tâm hồn chúng ta, mà chính chúng ta vẫn chưa tìm được lối nào thoát khỏi. Mới đáng tiếc làm sao ! Anh có nhớ những lời của anh hôm qua : « một nỗi trống trải mông mênh, một sự mệt mỏi không cùng ? » Và cái thái độ hôm qua của anh : « nhắm mắt để mặc cho cuộc đời qua... Lạnh lùng, thân-nhiên và bao giờ cũng bình tĩnh » anh tưởng là một lối sống của hiền-giả, thực chỉ là cái trốn hèn của một cái tên linh bại trận và bị trọng thương không nhấc nổi chân tay để dịch đi một tấc. Bấy giờ thì anh thấy không còn cái bình tĩnh đó nữa rồi ? Anh thấy thế nào ? Anh đã thấy muốn cựa quậy để đi nốt quãng đường, vậy mà anh nỡ đem lòng thù ghét ngọn gió ấm áp đã thổi dịu vết thương và đã lùa vào máu của anh một chút sinh khí mới lạ ?

THI.— Anh Mạnh có thể nào nói những lời khác được đâu. Bao giờ thì anh cũng vẫn là một ông thầy thuốc

MẠNH — Đó mới là chỗ làm của anh. Không bao giờ tôi muốn bỏ nghề thầy thuốc hơn lúc này. Tôi thấy cái khoa chữa bệnh của tôi vô ích, vô hiệu và vô vị không biết chừng nào tôi thấy tôi chỉ là một con bệnh ngắc ngoải, chỉ kiêu hãnh muốn đem một khoa học yếu ớt chữa bệnh cho loài người, khi chính mình không hiểu loài người là cái gì, không hiểu cuộc sống là thế nào, không hiểu mình là cái gì, và làm thế nào đứng vững vàng trong cuộc sống. Tôi bỏ nghề chữa thuốc, các anh ạ, nhưng còn giữ lại của nghề cũ một cái nếp nghĩ này, là : « còn nước còn tát ». Bao giờ tôi cũng hy-vọng. Hy-vọng cho đến phút cuối cùng.

CẦM — Bấy giờ thì anh hy-vọng ở cái gì ?

MẠNH.— À, tôi thú thực là tôi chưa biết, nhưng có một điều là tôi trông thấy hình như cuộc đời chưa bỏ tôi, chưa bỏ chúng ta, cuộc đời còn những phép màu-nhiệm mà con mắt trần tục, tầm lòng ngu muội của chúng ta chưa thấu được, nhưng cố công chân thành thì lẽ nào cũng tới. Không có lẽ nào cuộc đời đã vội khép lại ở ngay cái tuổi ba-mươi, khi một ông cụ già tám mươi vẫn còn đủ lòng vui để sống nốt quãng ngày tàn khi cái quãng ngày tàn của một ông lão tám mươi còn lung bưng rực rỡ, không khác gì cái tuổi xanh non của một cô bé mười-lăm, mười - sáu... Các anh không thấy ư ?

CẦM — Thi chính vì chúng ta đều nhận xét thấy điều đó, nên mới hoang-mang ngờ vực, và mất hết cả cái bình tĩnh hôm xưa. Có phải không, anh Thi ?

THI, *vung đưng gậy*.— Tôi không biết tôi không biết Các anh muốn nói gì, muốn làm gì, tôi không biết, tôi không muốn biết đến. Tôi chỉ còn biết có một điều này, là tôi không muốn ở lại cái nhà này một ngày nào nữa. Đêm hôm

này là đêm cuối cùng của tôi ở trong gian nhà gỗ này. Sáng sớm mai tôi sẽ lồng ra khỏi cái thôn-trang quái gỡ này, để tìm lại cái yên tĩnh của tôi. Bao nhiêu người thân yêu của tôi đã chết cả rồi, đã nằm yên dưới lớp đất mát mẻ, chỉ đợi một sự quả quyết của tôi để mở một tiệc hoan lạc không bao giờ hết, vậy mà vì có gì họ ngăn cản tôi, họ làm cho tôi ngang lòng họ làm cho tôi còn lưu luyến khắc khoải cái cuộc đời bạc bẽo này chỉ đầy những sự lọc lừa man trá ? Tôi không còn biết chết là vui nữa, thì tôi khổ biết chừng nào !

Thi chạy ra ngồi một mình ngoài hiên, gục đầu vào cánh tay. Mạnh và Cầm yên lặng một lát rồi nhìn theo ra phía vườn. Trong vườn đã âm u bóng chiều tàn, nhưng ở trên nền trời, bỗng bật lên một tia nắng quái êm đềm sán lạn trên ngọn núi xa, trên vầng mây lơ lửng.

MẠNH chỉ lên phía trời xa.— Anh Cầm anh hãy trông ở ngoài giờ ráng vàng rực rỡ vừa tàn thì bỗng bật lên một tia nắng chiều quái hôm, êm đềm ấm áp như một tia nắng bình minh.

CẦM nắm tay Mạnh.— Anh Mạnh ! Hai ông cháu nhà kia... là ai ?

Vừa lúc ấy thì có tiếng xao xục ngoài vườn. Rồi Lão-trượng, cô Thiều-nữ bước ra. Mạnh và Cầm né mình cho họ tiến đến phía ghế ngồi.

LỚP THỨ SÁU

MẠNH, CẦM THI, LÃO-TRƯỞNG,
THIẾU-NỮ, rồi một tên GIA-ĐÌNH

Lão-trượng vừa đi vừa lau tay, lau trán. Cô thiếu nữ thì ôm một bó hoa dại, vui cười nhí nhảnh.

LÃO-TRƯỞNG.— Chiều hôm nay, ngoài giờ đẹp lắm, các ông không đi dạo, đừng làm gì trong gian nhà u uất này ?

MẠNH — Thưa cụ, chúng tôi đương mãi ngắm tia nắng quái trên vầng mây.

LÃO TRƯỞNG quay ra phía ngoài.— Đứng ở đây ngắm cảnh bên ngoài, cũng đẹp đấy, nhưng mà sao bằng dạo chơi bên ngoài, tắm ngay vào ngọn nắng ? Cái nắng chiều hôm nay ấm lắm, các ông ạ. Có già nua như lão đây, máu trong mình đã lạnh, mới biết quý một ngọn nắng thừa ban chiều. Ấm lắm mà ! Trong nhà này lạnh quá và tối lắm quá.

Bấy giờ Mạnh và Cầm mới sực nhớ là trong nhà đã tối, liền chạy đi thắp ngọn đèn ở trên mặt lò sưởi.

MẠNH.— Chúng tôi mãi nói chuyện, quên không thấy giờ đã tối. Cụ thấy lạnh ? Để tôi đốt lò sưởi.

Cô THIẾU-NỮ đặt bó hoa dại lên mặt bàn.— Việc đó thì để cho cháu làm chứ.

Vừa nói vừa nhanh nhẹn chạy đi nhóm lò sưởi. Bấy giờ, trong gian phòng sáng lên vì ngọn đèn mới thắp vì lò sưởi mới hồng, và trong giữa vầng

(Xem tiếp trang 27)

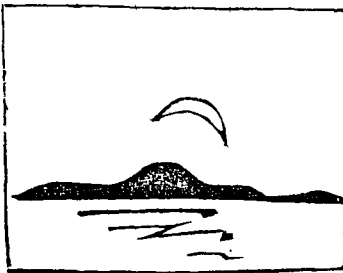
I. — Nguyễn nhân câu chuyện

Nhân tháng tám năm ngoái, trong khi các báo còn đang lo bài đề kỷ-niệm cụ Nguyễn Du, báo Khoa-học, không lẽ vì hai tiếng Khoa-học mà quên một bức văn-hào. Nên tôi đã trộm phép các bạn làng văn đem

hai câu Kiều ra bàn đề đoán ngày giờ lúc cô Kiều bị bọn Khuyển Ưng bắt. (Xem Khoa-học số 10).

Không ngờ bài của tôi được nhà văn-sĩ Đào duy Anh đọc tới (xem bài Thanh-nghị số 27), và nhờ ông mà tôi được biết ông Hoàng u Mai đã bàn đến chuyện « ba sao giữa giờ » ở báo Văn-lang xưa (số 27).

Tôi rất thành thật xin lỗi ông Mai vì tôi đã không biết bài ông nên không nhắc tới ông và tôi lại cảm ơn ông Anh đã cho tôi biết điều ấy và đã tỏ ra rằng báo Khoa-học đã đạt mục-đích là khiến người không chuyên-môn khoa-học vui lòng đọc Khoa-học và khảo sát với một cách khoa-học.

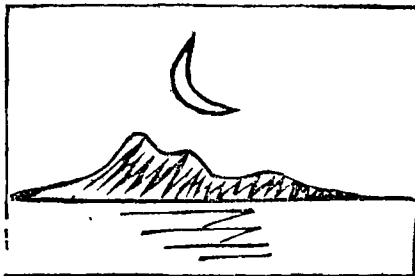


HÌNH 1

chỗ nào.

2.) Hình 2 có phải là một họa-sĩ ngấm phong-cảnh mà vẽ thực không? nếu thực thì lúc ngấm vào ngày nào, giờ nào và núi đường ở xa và ở phía nào?

(Nhân tiện đọc-giải thử đoán chơi và xin xem trả lời ở cuối bài).



HÌNH 2

■ CÂU CHUYỆN ■

CÔ KIỀU BỊ BẮT

HOÀNG XUÂN HÂN

Cách lý-luận trong bài tôi chu đáo. Ông Đào duy Anh có nói: « cũng như những bài toán-pháp giải trí trong báo ấy, đó chỉ là một cách chơi của nhà Khoa-học ». Tiếng cách chơi dùng đây ông Anh không có ý gì cho là không chu đáo đâu. Vậy xin đọc giả hiểu cho.

II. — Ý ông Hoàng u Mai

Đây tôi tóm tắt ý ông Mai và cũng nhắc lại vài ý ông Anh thêm vào. Bài các ông có ba đại ý; là:

1) « Nửa vầng trăng khuyết » là trăng hạ-huyền (đúng một nửa và đường cung về phương đông).

2) Đêm thú đây là ở đầu thu, nghĩa là vào tháng bảy.

3) « Ba sao giữa giờ » là sao Sâm.

Về ý đầu, ông Mai không nói vì sao ông cho thế, nhưng ông nhắc lại rằng ngày Kiều trốn với Sở Khanh là ngày 21, vậy cũng vào trăng hạ huyền. Còn ông Anh thì viện chứng rằng: « Thuy Kiều ở Lâm-tri, ở một nhà buôn bán, trong một thành-thị phồn-hoa: xung quanh tất có nhà cửa phố xá đông đúc, thì lúc giờ Tuất, chừng lúc 7 giờ rưỡi thì đầu côn-đò hung bạo thế nào cũng chưa dám sấn vào nhà mà bắt người ».

Về ý thứ hai, ông Mai nói câu « giếng vàng đã rụng một vài lá ngô ». Ông Anh cũng nhắc lại lý ấy.

Về ý thứ ba, ông Mai nói tuy là trong kinh Thi có câu: « Tam tinh tại thiên » và Chu Hy chú thích đó là sao Tâm, nhưng sách Từ-nguyên (tự-diễn Tàu) nói có thuyết cho đó là sao Sâm. Ông Anh có thêm rằng trong sách Mao-thi nói như vậy.

Ông Mai có viết: « Một nhà thiên-văn học, nếu có đủ chứng tích ngày tháng hôm đêm Thuy-Kiều bị bọn Khuyển Ưng bắt thì có thể làm toán ra biết được trăng hôm ấy mấy giờ mọc, và sao Sâm mấy giờ mọc ». Tôi tuy không phải nhà thiên-văn học, nhưng đã làm toại nguyện ông Mai. Tôi đã biết chỗ trăng sao mà tính ngày tháng.

Ông Anh cũng theo cách ấy mà kết luận rằng cô Kiều bị bắt ngày 24 tháng 7 âm-lịch lúc 1 giờ rưỡi sáng,

III. — Tóm tắt ý tôi.

Như tôi đã giảng trong bài « Cỗ Kiều bị bắt » nếu ta biết *tuần trăng* và trăng lúc bấy giờ ở chỗ nào trên trời, thì ta có thể đoán được ngày tháng Kiều bị bắt.

Tôi cho là « nửa vầng trăng khuyết » không phải là trăng thượng-huyền, vì nó là nửa vầng trăng *k uyết*; hình nó như lưỡi liềm.

Tôi cho rằng trăng ở bên sao Tâm. Vì lẽ trăng sao đứng gần nhau mới có câu thơ trên. Đường Bạch-đạo của trăng đi có thể qua sao Tâm (Nguyệt phạm Tâm ở trong sử ta lại nói sự ấy). Vì Thúc-sinh tên Tâm, nên cụ Nguyễn Du có ám-chỉ đến sự Kiều nghĩ tới Thúc sinh mà ngắm trăng ở sao ấy và mặt trăng

với ba sao trong địa vị bấy giờ có hình chữ Tâm (hình 3) Tuy tôi không muốn vi phạm lệ ngoài là lời chú-thích



HÌNH 3

Chu Hy nhưng tôi cũng biết thế.

Lúc tôi đã cho là như vậy thì chỉ theo toán-pháp mà suy ra ngày tháng giờ: giờ Tuất ngày mồng 4 tháng 9.

Và như vậy thì thực ở vào mùa thu như cụ Nguyễn Du chép.

IV. — Lời bàn

Trước lúc bàn, tôi xin nói rằng đây ta không bàn một việc sử-học mà chỉ bàn một câu đố khoa-học mà thôi. Câu đố ấy có lẽ nếu cụ Tiên-diên có nghe cũng phải lấy làm ngạc nhiên và buồn cười.

Sau nữa theo lời ông Anh thì ông « Hoàng u Mai hiện nay vào một tình thế không viết lách gì được ». Trước tôi đã không biết nhắc đến bài ông. Nay lại trả lời ông lúc ông không có thể trả lời tôi thì cũng khó coi Nhưng nếu ông đọc bài này xin ông lượng thứ.

Trước hết, tôi cứ cho « ba sao » ấy là sao Sâm và nửa vầng trăng là một nửa thực. Giờ bản tinh đồ (xem K. H. số 5 ở bìa) vạch một đường bán kính thẳng góc với bán kính kia thấy mặt trời ở vào ngày 15 tháng 9 dương-lịch hay 15 tháng 3 dương lịch. Nếu là tháng 3 thì trăng thượng-huyền, nếu mà tháng 9 thì trăng hạ-huyền.

Vì có câu « đêm thu » nên tháng 9 mới hợp lẽ, vậy theo giả-thuyết trên thì tuần trăng là hạ-huyền như ông Mai đã đoán, nhưng về tháng 9 dương lịch, vậy vào tháng *tam ta*, chứ không phải tháng 7 như ông Mai và ông Anh đoán. Xem vậy thì nếu cho ba sao là sao Sâm, lúc cô Kiều bị bắt không phải ở đầu thu như hai ông nói.

2.) Trên đây tôi đã nhận tạm ba sao là sao Sâm. Nhưng không có lẽ gì ta chọn sao Sâm hơn là sao Tâm. Vì có hai thuyết về chữ « tam tinh tại thiên » thì ta làm sao biết rằng cụ Tiên-diên dùng thuyết Chu Hy hay thuyết Mao Hanh.

Tôi cũng đồng ý với ông Anh mà nghĩ rằng cụ Nguyễn Du, lúc viết những câu văn đều nhớ tới chữ sách. Các cụ mình hồi xưa khi nào viết văn cũng vậy. Câu nào, chữ nào, cũng có gốc có điển. Kể hay chữ thì dùng thoát, kể chỉ nhiều chữ thì dùng câu-nệ mà thôi.

Cụ Nguyễn Du viết câu « ba sao giữa trời » là nghĩ tới « tam tinh tại thiên ».

Các cụ nho mình xưa lấy Chu Hy chú-thích làm cốt. Thuyết của Chu Hy cho là đúng.

Mà đến người Tàu cũng thế. Xem Từ-hải là tự-diễn Tàu, làm sau Từ-nguyên, cũng do Ấn-vũ xuất bản, mà thuyết sao Sâm cũng không nói đến. Tôi nghĩ rằng cụ Nguyễn-Du không có óc khoe chữ, tìm điển-cổ kỳ-dị, hoặc tìm tới chữ lạ trong sách nên cụ cùng các cụ nho ta mà hiểu chữ « tam-tinh tại thiên » theo thuyết thường mà thôi. Mà nhờ đó mới chỗi đến danh Tâm, chữ Tâm là tên Thúc-sinh. Tài cụ Nguyễn-Du chính là lúc nào tả cảnh cũng có tình ở trong Và sách dùng chữ này đã-động chữ kia là lối rất thường của các cụ. Cũng về Thúc-sinh, cụ Nguyễn-Du đã đặt câu.

« Thảo nào chàng Thúc ra người bó tay ».

3.) Sau nữa, như tôi đã nói, cụ Tiên-diên tả « nửa vầng trăng khuyết » và « ba sao giữa trời » ý tất là trăng phải gần sao. Ông Mai tuy không nói rõ nhưng ý ông chỉ hiểu là bấy giờ thấy trăng và sao. Còn ông Anh thì ừ cũng không nói ra, nhưng ông đã theo cách tính ngày giờ của tôi tức là ông đã ám-nhận lẽ ấy. Nếu ông không nhận lẽ ấy thì sự tính ngày giờ chính-xác không có nghĩa lý nữa. Đã nhận lẽ ấy thì ta phải xem rằng trăng có đứng gần sao Tâm và sao Sâm được không. Tôi đã nói rõ về sao Tâm rồi. Trăng lưỡi liềm có thể đứng cạnh sao Tâm mà đúng hình chữ Tâm được. Chờ trăng không kh nao qua gần sao Sâm. Sao Sâm đứng xế Xích-đạo về phương nam và cách Hoàng-đạo chừng 25 độ. Mặt trăng không khi nào ra khỏi Hoàng-đạo quá 5 độ. Vậy nó đứng cách sao Sâm ít ra cũng hai mươi độ hay non một phần tư góc vuông.

4.) Ông Mai và ông Anh cũng nhắc lại rằng về mùa thu. đầu hôm sao Tâm còn thấy và tôi đã tính rõ rằng đầu hôm, giờ Tuất ngày mồng 4, mồng 5 tháng chín, trăng ở vào sao Tâm còn thấy trên trời. Vậy tôi cũng đồng ý với hai ông.

Nói tóm lại, chỗ ý-kiến dị-đồng quau hệ chỉ là : ông Mai thì không tính và chỉ dẫn chứng sách nên tưởng việc bắt này không thể xảy ra đầu hôm được. Ông nói « Ba sao » là sao Tâm là vô-lý rồi ông theo thuyết sao Sâm và ông kiểm chứng kê biện-lý. Chứng ông kê đại-khai hợp lý với giả-thuyết ông,

nhưng nó không bác được giả-thuyết kia. Ông Anh thì có thành-kiến là ông Mai nói phải, ông chỉ nhắc lại ý ông Mai và kiểm thêm chứng. Những chứng ấy vẫn hợp với giả-thuyết ông Mai, chớ không bác giả-thuyết của tôi.

Còn giả-thuyết tôi thì nhận theo các cụ học Chu Hy (không biết Chu Hy có theo ai không) Tam-tính là sao Tâm. Tôi cho là Nguyệt đứng vào sao Tâm, rồi tôi lấy thiên-văn và toán-học mà tính ngày tháng xem có trái với chữ « đêm thu » hay không. Tôi thấy hợp nên tôi đã tin ở thuyết ấy.

Lời đoán có sai chăng thì đầu tháng chín là quá hai phần ba thu chứ không phải là đầu thu, nhưng tôi tưởng câu « Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô » có thể nói đã sang thu mà thôi. Vả chẳng ông Anh tính sai một tháng, theo giả-thuyết ông mà tính cho đúng thì bây giờ là cuối tháng tám, như thế thì cũng không phải đầu thu. Thực ra sự sai ấy không can hệ, vì chỉ cần cho rằng « nửa vành giăng khuyết » là trăng lưỡi liềm thì theo thuyết ông Mai mà có thể thành tháng bảy, và nếu cho nó là « bán nguyệt » thì theo thuyết tôi cũng thành ra tháng bảy đầu thu.

Xem thế nếu bỏ hết thành-kiến thì việc bắt cô Kiều có thể vào đầu hôm hay là vào quá nửa đêm được.

Làm thế nào mà biết đích-xác được? Ông Anh viện lẽ phố xá đông đúc. Nhưng biết đâu Thúc-Sinh không ở chỗ hẻo lánh trong thành phố, hoặc có biệt-thự ở xa nhà buôn! Đó là tôi nói đùa chớ thực ra những lý trên, bất ngoại ông Anh cũng nói đùa cho vui câu chuyện, chớ có căn cứ vào đâu.

Hay là ta kiểm nguồn ở bản Kiều chữ của « Thanh tâm ái nhân » xem chép việc này thế nào;

Bản chữ chỉ tự-sự, ít tả cảnh, nên không nói ngày tháng, tả trăng sao như cụ Nguyễn Du. Chính xem chỗ ấy mới biết tuy cụ Nguyễn-Du đã hoàn toàn lấy chuyện, lấy ý ở chuyện tàu, mà cụ đã bỏ bớt chỗ tự-sự lời thoại, thêm thắt chỗ tả cảnh rất đầy tại vị. Bản chữ chép:

«.. Kiều đề thơ xong lại nghĩ đến Thúc-sinh chưa tới. Đêm ấy ra vườn sau, đốt nén hương đèn, khấn chiêm ai-tính mà khấn trời.....

Khấn xong, muốn quay về. Bèn thấn dưới bóng hoa, đột-xuất độ mười người tráng-sĩ mạnh mẽ, bộ rất hung ác, sấn lại bèn trối Thúy-Kiều... Thúy-Kiều tưởng là giặc, bèn nói: « muốn lấy đồ gì thì lấy, xin tha tính-mệnh cho tôi ». Tội tráng-sĩ kia không trả lời, đồ thuốc độc vào miệng. Kiều bèn như ngầy không nói năng được. Tội kia đẩy Kiều vào trong nhà, lượm lật của cải vàng bạc; tấv mũ chụp vào đầu Kiều, lấy áo vải xanh phủ vào mình Kiều, rồi vừa mang Kiều lên ngựa mở cửa lớn mà chạy, vừa phóng hỏa đốt nhà cửa, lửa cháy sáng trời rực đất. Người nhà họ Thúc và người hàng xóm đều chạy tới cứu hỏa. Tội tráng-sĩ nhân không ai đề ý, chạy mất.

Có hai người chạy ra, hốt hốt hoảng nói rằng « Cô ta ra sau vườn đốt hương đèn. Tội ta ở trong nhà quạt nước. Bỗng thấy có mười vị ác thần, đến bắt cô, kéo vào nhà trong, lục lọi cả phòng, bốn bề lửa dậy. Những người ấy đều ra cửa. Tôi không thấy cô nữa: Chỉ thấy một người mặc áo xanh ngồi trên ngựa mà đi. Không biết cô ta có trốn ở trong này không ». Người nghe đều kinh hãi nói: « như thế thì đích là Hỏa-thần ! »...

Nếu bằng cứ vào chuyện kể đó thì cũng không rõ vào lúc nào trong đêm. Nhưng theo lời người nhà nói lại như trên thì không những Kiều chưa ngủ mà cả người nhà cũng còn quạt nước.

Như thế thì vào lúc đầu ! Ờm đúng lẽ hơn.

Ông Anh nghĩ rằng tội côn đồ không táo bạo dám cướp người khi chưa khuya. Nhưng nó có nhưng mười đũa tráng-sĩ và lân-bang sợ ma như thế thì có lẽ một đũa nó làm ma nhát rồi bắt cả đi cũng được.

Bản Kim-Vân-Kiều lục của một cụ Việt-nam dịch bản Kiều nôm ra chữ lại nói rằng tội Khuyển-Ưng có những hai mươi đũa, và lúc tới nơi, Kiều đương ngủ say chớ không nói gì đến trăng sao hay việc ra sau vườn niệm Phật. Không biết vì đâu mà cụ lại cho Kiều ngủ? Dịch bản dịch, không phải là hoàn-nguyên !

KẾT LUẬN

Muốn đọc giả không lầm chủ-ý của tôi và nhận rõ nghĩa-lý sự trao đổi ý kiến này tôi xin nói vắn tắt rằng câu chuyện này có thể xét về hai phương diện.

Phương-diện khoa-học, là tính ngày tháng giờ lúc cô Kiều bị bắt Tôi đã đứng vào phương diện ấy. Phương-diện thứ hai là về ngữ-học: Cụ Nguyễn-Du hiểu câu « Tam tính tại thiên » là sao Tâm trửa trời hay sao Sâm trửa trời?

Sự cụ Nguyễn-Du muốn nói sao nào hẳn là không liên lạc với vấn-đề trên, vì chắc cụ không ngờ sự suy tính ấy có thể được.

Về phương-diện trên, chỉ có thuyết sao Tâm mới khiến ta tính được hoàn toàn và chính-xác. Với thuyết sao Sâm chỉ có thể đoán ngày mà thôi. Còn tháng cũng phải viện chứng ngoài mới đoán được.

Về phương-diện dưới thì có lẽ cụ Nguyễn-Du theo thuyết sao Sâm vì đó là theo Chu-Hy mà các nhà nho đều biết và như vậy cụ có thể hàm ý Kiều như Thúc-kỳ-Tâm.

Nay ta dùng cách chơi khoa-học để liên lạc hai vấn-đề thì ta thấy thuyết sao Tâm không có gì mâu thuẫn với các ý khác ở Kiều chữ hay Kiều nôm mà nó lại làm cho ta tính được ngày giờ tháng khi Kiều bị bắt (1).

(Xem tiếp trang 25)

(1). — Về năm cũng có thể đoán được vì nhờ vị trí trăng biết một cách rõ ràng, nhưng phải dùng toán pháp kó mà thôi.

vấn-đề giáo-dục

PHẠM LỢI

GẦN đây, một số người bàn đến vấn-đề giáo-dục thường than rằng : « Ở nước Việt-Nam này, gia-đình giáo-dục hầu như không có gì cả. » Hoặc giả cũng có người không chối hẳn, nhưng họ cũng chẳng lấy chi làm vẻ-vang khi phải nhận một nền giáo-dục mang tiếng là hủ-lậu, nặng-nề đã làm suy-yếu cả một dân nước. Song chúng ta không khỏi ngạc nhiên khi thấy quanh mình còn một đôi người sót lại của cái lò giáo-dục cũ vẫn là những tấm gương chói lọi về đạo-đức ; tinh-thần vững chắc như cái trụ cắm sâu giữa trào lưu cuồn cuộn. Lòng chúng ta không khỏi sinh một mối ngờ mà tự hỏi :

- Nước nhà hẳn đã có một nền giáo-dục không ?
- Nếu có thì giá-trị của nó như thế nào ?

Ở thời-kỳ hán-học, sự giáo-dục cùng với học-vấn là một. Trong gia-đình cũng như ở nhà trường sự tập rèn cho con trẻ trước tiên là lễ-giáo. Đứa trẻ vỡ lòng bằng những quyển : Tam tự kinh, Tứ tự kinh, Minh tâm bảo-giám, v.v; Các cách ngón đập mạnh vào khối óc măng non những lời hiền-triết chỉ vạch rõ ràng cái bốn phạm của nó phải theo. Những điều Trung, Hiếu, Nhân, Nghĩa rọi vào tâm-can đứa trẻ những tia sáng, sau này sẽ đưa nó thẳng đến cái ĐẠO lớn.

Đề phụ vào sự giáo-huấn của gia-đình và sự rèn cặp thiếu-niên ở học - đường còn có những sách giáo-dục. Lời sách viết trong khuôn - thước nền luân-lý đơn giản, chặt chẽ của thời cũ, nhưng cũng không phải là dơ cả cho cái xã-hội mới này. Thật vậy, cái thuyết thụ-thai cùng những ảnh-hưởng-tốt cho nó, mà ngày nay chúng ta thường bàn đến, thì xưa người ta đã đem dạy cho những cô gái nhỏ trong gia-đình, ngõ hầu khôn lớn làm trọn phận-sự người vợ và người mẹ. Các cô gái nhỏ ấy chẳng phải chờ tới khi xuất-gia mới được chồng dạy cho, cũng đã biết khi thai nghén phải :

- « Đêm hằng xem chuyện thánh-hiền,
- « Nói cho chính-dáng, ngay tin rõ ràng...
- « Mũi đừng ngửi thức tanh hôi,
- « Giã đừng cưu giận, quá vui lo lường

- « Miệng đừng nói sự hoang-đường
- « Mắt đừng xem của lạ nhường xấu xa.
- « Tai đừng nghe tiếng dâm-tà,
- « Lưỡi đừng nếm thức mặn-mà đắng cay

(NỮ TẮC)

Đứa trẻ mới sinh ra, người mẹ đã tập cho nó những thói tốt mà nay ta gọi là phương-pháp tập-dưỡng, bước đầu của giáo-dục.

- « Chờ nắng ấm ấp trong lòng,
- « Hằng cho chăm-chữa nằm không một mình.
- « Chẳng hề thấy khóc thương tình,
- « Đề cho quen, đề cho lành chẳng chi.
- « Đến-khi lững thững biết đi,
- « Những đồ vòng hạt chờ hề cho đeo.

(NỮ TẮC.)

Người mẹ đã biết phép tốt lành của khoa vệ-sinh chăm nom sức-khỏe cho con ; Về phần tâm hồn, người mẹ cũng không phải chờ đến Thầy Đồ sau này để rèn đúc tính khí cho nó :

- « Khi ầu khi ngủ điều hòa chớ sai.
- « Chớ nên chỉ bảo đông dài,
- « Đừng điều đối-trá làm nhời dỗ con.
- « Tới khi ăn nói sôi sảng,
- « Hễ là ăn nhảm, nói quàng chớ cho.
- « Cho chơi những bạn học-trò

(NỮ TẮC)

Đứa trẻ đến tuổi cấp sách theo thầy, bậc cha mẹ xưa kia cũng không trút hết cái trách-nhiệm giáo-huấn cho ông Đồ, mà vẫn cùng theo đúng nhịp với trường học mà lo dạy con, vì nếu đứa trẻ mai sau chỉ có tài học cũng chưa đủ được là kẻ « Sĩ » chân chính. Có tài còn phải có đức.

- « Con tài lo lão, lo kiêu,
- « Con ngu thì lại mong sao kịp người »

(CA-DAO.)

Người trồng cây hạnh người chơi,
Ta trồng cây Đức để đời về sau

(Ca-đao)

Đứa trẻ hay, hèn là bởi giáo-dục gia-đình tốt hay xấu. Làm cha mẹ dạy con, có công hay có tội với tổ-tôn cũng ở đó.

- « Con hiền cha mẹ thành tâm,
- « Một nhà khen ngợi, ngàn năm bia truyền.

« Miệng đời dễ hiểu biết bao !

Động ra Quốc-pháp, nhục vào Gia-thanh »

(Nguyễn trãi Gia-huân ca)

Xem như vậy, chúng ta không thể nói rằng người nước ta không có gia-đình giáo-dục. Từ phải thượng-lưu đến hàng lê-thứ ai cũng lấy sự dạy con làm một mối quan-tâm, một bổn-phận trước nhất đối với tổ- tiên, dòng giống ;

« Đẻ con chẳng dạy chẳng răn,

« Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng. (Ca-dao)

...

Nhưng nền giáo-dục xưa có còn giá-trị gì ở xã-hội hiện-thời không ?

Cái lớp người chúng ta đã tiến hóa ; Sự tổ-chức của xã-hội đã tinh-tế hơn xưa và đã tạo cho người ta một sinh-hoạt phức-tạp, làm cho chúng ta, ở thời-đại này, phán-đoán nền giáo-dục cũ không khỏi chế là khắc khổ, chật hẹp, vì cho rằng nó căn-cứ vào cái luận-lý sai-lạc. Tuy nói rằng cái giáo-dục ấy chỉ hợp với văn-hóa xưa, và chỉ là sản-xuất ở một tổ-chức xã-hội cổ-sơ, đơn giản, nhưng trong con mắt nhà luận-lý học, nó vẫn có cái tinh-túy đáng kể.

Người ta chê nền giáo-dục cũ là khô khan, chỉ thu lại trong vòng nhỏ tam cương, ngũ thường. Nhưng nếu trong một nước, người nào cũng biết giữ đạo : làm con hết lòng hiếu, làm tôi hết lòng chung, làm dân trọng điều lễ nghĩa, làm vua một bụng nhân từ, thì chẳng phải đây là một nền văn-hóa thật tốt đẹp hay sao ? Nước Nhật có một nền văn hóa đặc-biệt đi đôi với sự tiến hóa cường-hình của dân-lộc mà cái nguyên-iắc luân lý củahọ chỉ thu gọn lại là :

« Con chỉ biết thờ cha mẹ

« Vợ chỉ biết thờ chồng

« Bề tôi chỉ biết thờ vua.

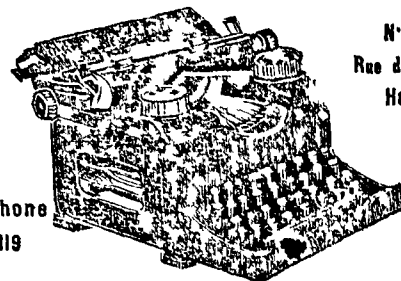
Nếu chúng ta căn-cứ vào mấy nhà « hủ-nho » lỗi thời khoa cử và nhất nhất hèn yếu mà chế trách nền giáo-dục cũ là hỏng nát, thì cũng có thể người ta nhìn nhĩng ông « Vũ tủy » của thế-hệ này chỉ luân quần trong đồng sách, hoặc sống một cách nhõ nhĩng, truy lạc mà công-bố sự phá sản của nền giáo-dục hiện thời.

Theo cái đà tiến-hóa chúng ta đã khác xưa, và cùng với xã-hội mới mẻ, văn-hóa cũng phải thay đổi. Chúng ta đã có những quan-niệm mới bổn phận mới. Cho hợp với cái mục tiến-hóa đó chúng ta cũng phải có một nền giáo-dục mới.

Vậy thì trong cái lò giáo-dục cũ, có còn những di-sản gì quí báu cho ta nữa không ? Và ta sẽ theo những nguyên-tắc nào để cải-tạo một nền giáo-dục mới ? Ấy là việc chúng ta phải tìm ngay và làm ngay để chữa một sự đau đớn : Trong lúc mới chưa tới, cũ dứt bỏ, thời-kỳ quá-độ đã cho dân-lộc ta có một hạng người « Vô giáo-dục ».

P. L.

Một nhà chuyên môn chữa và cho thuê máy chữ, từ 20 năm nay, được tin - nhiệm của mọi người
== Cần mua nhiều máy chữ cũ ==



N° 14
Rue du Papier
Hanoi

Téléphone
n° 119

MAISON QUANG - LOI

LẦN ĐẦU TIÊN MỘT LÀN HƯƠng XÀ XÔI NGƠ NGÁC LẠC VÀO VƯỜN THƠ NAM VIỆT

QUÊ NGOẠI

Thi phẩm đầu tiên của **HỒ DZẾNH** tác giả « **CHÂN TRỜI CŨ** » (tái bản).

Quê Ngoại đem lại lòng người một nỗi buồn ý vị, một thương nhớ mệnh mông, khiến người đọc phải mê say từ trang đầu đến chữ cuối. Gần 201 trang, khổ lớn, bản thường 3\$00, bản tốt 5\$00, bìa của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng. Tủ Sách Nguyễn Hà Xuất bản.

Ấ-châu Ấn-cục.

17 Emile Nelly Hanoi, phát hành.

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẤN dịch

BÀI THỨ 12

IV.— Mariny

Chương thứ XV

Tang lễ Thanh đô vương Trịnh Tráng. —

Thanh đô Vương Trịnh Tráng mất hôm 26 tháng 5 dương lịch năm 1657 thọ 82 tuổi và cầm quyền chính được 37 năm. Được tin phụ vương mất thế tử là Tạc (Tây vương) và các vương tử em ngài liền thay đồ tang và sang ngay vương phủ. Trong chính điện ngày thường vẫn cử hành những lễ lớn, thì hai Thanh đô vương (1) đặt trên một cái giá bằng gỗ thơm và quý, giống hình cái ngai bình nhật ngài vẫn ngự, kiểu rất hoa mỹ tráng lệ; giá lót dạ vàng, hai đầu không buông thõng xuống đất nhưng kéo lên che kín cả thi thể ngài. Thế tử và các vương đệ, các vương diệt và các người thân thích của Trịnh-phủ, ăn mặc sò gai, đầu đội một vòng chạc gai, quì lễ khóc bên cạnh giá, nhắc lại những công ơn mà lúc sống ngài ban cho mọi người. Vương phi bận áo tang màu trắng và mình phủ một tấm mạng giai, chờ một đại quan đến cạo đầu cho thế tử, các vương tử và các vương thân; lễ thể phát cử hành theo lệnh của vương phi, có ý nghĩa la đề biếu lộ lòng kính mến và sự đau thương của con cháu đối với chúa. Nghi lễ hôm đầu, chỉ có thế.

Sáng hôm 28 mặt trời vừa mọc, Thế tử 4 các vương tử và các vương thân, vẫn mặc tang phục ngày hôm trước (2) sang Vương phủ để rước linh cửu chúa từ đại điện sang một gian điện khác. Linh cửu đặt trên một chiếc bàn thếp vàng, bàn phủ đầy hoa thơm; hương thơm của hoa lẫn với hương thoi đốt lam sức nức

gian phòng đầy ánh sáng của bao nhiêu đèn bạch lập, Các hiệu chủ chờ đến đầu giờ thứ hăm ba (giờ tí) đã được các nhà chiêm tinh học chọn và cho là tốt là bắt đầu rước linh cửu vào tỉnh Thanh Hóa là nơi nhả chúa phát tích và đã được chọn làm lăng tẩm của Trịnh gia.

Ba vị đại thần cao vào bực nhất được cử ra đề hộ tống linh cửu trong bốn ngày đường cách kinh đô; ba quan khậm mạng, trước khi nhận cái vinh dự mà (tiên) chúa ban cho, hứa trước các triều quan sẽ hết sức làm để tỏ lòng tôn kính tiên chúa, đề khỏi phụ lòng hiếu kính của tân chúa và các vương đệ ngài; đề cho tang lễ, nếu không xứng được với công nghiệp của tiên chúa thì cũng tỏ rõ được sự tận tâm, lòng kính cần và ý tôn trọng của họ đối với một bậc chúa có nhân từ và độ lượng. Ba ông ấy còn tuyên thệ là hết sức giữ kín không cho ai biết chỗ họ phải đem an táng tiên chúa. Lễ tuyên thệ vừa xong thì một hồi trống rung đề báo hiệu đám tang bắt đầu đi Đám giải lăm gần một dặm đường từ vương phủ ra đến sông (elle occupait pres d'une lieue de chemin qu'il y a du Palais à la rivière.) Cầm binh đi đầu, người nào mình cũng mặc một chiếc áo chùng bằng vải tốt màu lam sẫm 4 đầu cũng đội một cái mũ cùng một thứ vải, cùng một thứ màu với áo, Một vạm rưỡi lính, vác súng hoặc cầm kích đứng thành hàng hai, bên dọc đường. — đường rất rộng như hàng rào để giữ trật tự vì dân gian đi xem đông lắm. Một cơ lính mặc áo trắng tay cầm gậy sơn đến đóng các đầu phố không cho người qua lại chỉ trừ những vị có quyền hành thôi.

Trong đám rước trước nhất ta thấy ở trong vương phủ ra, một cái cột đường kính đo được sáu gang (palmes) và cao sáu mươi gang. trên đỉnh có đặt ba quả cầu. Thân cột phủ một lần lụa quý, có chữ vàng chữ bạc, thuật sự nghiệp của Thanh đô vương. Cột đặt lên trên

(1) Trong sách Relation du Royaume de Tonquin cổ Mariny gọi chúa Trịnh là « le Roy de Tonquin Royaume » chúng tôi có nhiều đoạn sẽ dùng chữ vương để chỉ chúa Trịnh.

(2) Thanh đô vương mất lúc 8 giờ đêm hôm 26 rạng ngày 27 và lễ phát tang tá đạo trên cử hành vào hôm 27.

mấy bánh xe có người điều khiển ; muốn cho cột khỏi nghiêng về một bên hào hoặc đồ ngã, có nhiều người có tiếng là thành thuộc, tay cầm giây, có lúc thả chùng, có lúc căng thẳng làm cho cột được thẳng bằng hình như đặt trên một cái bệ chắc đứng im chớ không phải đặt trên một cái xe đang tiến nữa.

Sau chiếc cột ấy, có một chiếc xe nữa gần toàn bằng vàng, trên có đắp hình nổi một thành thị có tường xây 4 chung quanh có nhiều đường rộng và pháo đài vây bọc. Rồi đến một cái xe thứ ba trên đặt một chiếc ngai vừa đẹp và sang vừa đẽ. trên và lộng lẫy bằng vàng và bằng ngà; trên ngai đặt vương miện của tiên-chúa. Các bảo vật trên đây đều để hờ cho dân chúng xem. Phưởng bát âm có nhiều nhạc khí không hát, nhưng hòa theo lời than vãn và tiếng thở dài của tang quyến và những người thương khóc Thanh đô vương. Sau phưởng bát âm là các quan và các thân vương, mặc áo tang màu trắng! thô, cứng như áo ráp thầy tu (cilice) may không phải bằng vải, nhưng bằng vỏ và lá cây bọn dân quê nghèo vẫn thường dùng. Bọn thái giám và các võ quan cao thấp của chúa được đi gần nhà táng phủ trên áo quan và có người khiêng cho đến lúc hạ huyệt. Các quan và các thân vương khác đi liền trước « đòn » (brancard). Thế tử và các vương đệ đi sau « đòn » vẫn mặc thứ quần áo tôi đã tả trên kia, đi chân đất. đầu đeo tóc giả và cằm râu giả, màu trắng, tay chống gậy, đi lom khom như các cụ già cao niên, yếu ớt khổ sở và không có người nương tựa. hình như để tỏ rằng tiên chúa mất đi tức là họ mất hết cả hi vọng và họ không nhờ cậy được vào ai nữa. Số những đàn ông các quan, người nhà của chúa, đi đưa đám không dưới một nghìn; các công chúa các phụ nhân trong vương phủ, vào số tám chín trăm người, chầm thừ mạng và mặc thứ áo tôi đã nói ở trên, đi theo liền sau đấy. Cuối cùng là bốn nghìn thân binh mang khí giới. Ra đến bờ sông thì mọi người đứng lại nghỉ cho hết mệt. — Thuyền rồng của chúa đã bỏ neo sẵn và được trần thiết long trọng hơn mọi ngày; áo quan mang xuống thuyền thì một loạt súng thần công và súng trường

**Làm việc thiện gì cao bằng giúp
hội Truyền-Bá quốc-ngữ để đưa
dân nghèo ra khỏi vòng tối tăm.**

bắn. Mui thuyền lợp bằng vải dẹt bằng vàng sán thuyền phủ thảm ba tư đắt tiền và quý giá; bọn phu thuyền mặc những thứ hàng dị kỳ và lộng lẫy. Hai chiếc thuyền khác, từ mũi đến, lái, thếp vàng cả bên trong lẫn bên ngoài ghé sát vào bờ để chở chiếc thứ nhất cảnh thành thị đắp nổi; chiếc thứ hai, cái nhà táng.

Sửa soạn xong thì có hiệu cho thuyền nhỏ neo; ai có phận sự trên thuyền đều lên chỗ mình làm và cầm lấy mái chèo bơi; bắt đầu bơi từ từ và dùng dịp để cho thế tử và các vương đệ được trón lòng hiếu thảo với tiên vương. Đợi cho thuyền đi đến chỗ khuỷu sông khuất đi, thế tử và các vương đệ mới trở về phủ, Thế tử cùng em ngài lúc trước đã phải dầm chân xuống nước và xuống bùn rất lâu khi đó buồn rầu lặng lẽ trở về cung, Ngài không nói năng với các em và các quan đi đưa về, người nào mặt cũng rầu rầu.

Dân gian phải để tang chúa 27 bữa, trong thời kỳ này không ai được mở tiệc ăn uống, cưới xin hay kiện tụng — Nhà chúa còn ban lệnh trong hạn ba năm không được vào đám hội hè gì long trọng cấm ngặt dờn ca, múa hát, diễn kịch hoặc cuộc vui tương tự.

Nhưng đám ma đưa như thế chưa phải là đã hết; đấy mới phác họa một điều dự định lớn lao người ta hoãn lại để đến khi đem thực hành được thêm phần long trọng, Bao nhiêu thợ khéo đều làm; chi phí có tốn kém lạ lùng thì đã có dân gian vui lòng đóng góp thêm vào để làm cho đám ma tiên được thêm phần rực rỡ. Sau đây tôi sẽ nói rõ ràng (1 trang 306 313).

(còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG PHẦN

Đã có bản:

LỊCH TRÌNH TIẾN HÓA SÁCH BÁO QUỐC NGỮ

IN ĐẸP TRÊN GIẤY LÁNG
NHIỀU HÌNH ẢNH CÁC VĂN NHÂN
Giá 2.000, cước 0.40

MỘT BÀI THƠ' LỖ TẤN ▪ BÓNG TÙ' ▪ GIÃ NGU'Ồ'I

 ĐẶNG THÁI MAI

Tiểu dẫn. — Trong một bài tiểu-dẫn về một tấn kịch ngắn của Lỗ-Tấn (1), chúng tôi đã có nói đến ảnh hưởng văn-nghệ biểu-hiện trong nghệ-thuật của nhà đại-văn-hào Trung-quốc.

Bài thơ sau này, trích ở tập Dạ-Thảo là một tập thơ bằng văn xuôi « Tản-văn-thi » của Lỗ viết vào khoảng 1924. Cũng như các nhà văn biểu hiện ở Đức ở Pháp, ở Anh, Lỗ-Tấn không những đã phụ-diễn tư-tưởng theo lối văn-nghệ tân-tiến này trong đoàn kịch mà thôi, Lỗ lại ứng-dụng nghệ-thuật vào văn thơ tự-linh nữa.

Biểu-hiện chủ-nghĩa tuy phát-hiện đầu tiên ở Âu-châu, nhưng vẫn bao-hàm tinh-thần đông-phương, nhất là tư-tưởng, văn-hóa Ấn-độ. Vì chán với đời sống quá vậ -chất phương tây, vì muốn phản-đối quan-niệm khoa-học của phái tự-nhiên, cho nên văn-sĩ, thi-sĩ đã quyết đi giờ về nguồn cảm-tình đơn sơ, bạo dạn đời nguyên - thủy, và đem cảm - tình loài người về với tự - nhiên. Quan - niệm tự - nhiên thế kỷ XX sẽ khác hẳn với quan niệm tự nhiên thế kỷ XIX. Người cùng sự, vật, có một mối quan hệ thân-mật, thần-bí. Từ xưa các nhà văn thơ cổ điển, lãng-mạn, tự-nhiên, ấn-tượng đứng trước tự-nhiên, vẫn giữ thái-độ phân-ly, đối-lập.

Thi-sĩ biểu-hiện sẽ đem cả bao-la vũ-trụ, cả bấy nhiều hiện-tượng mà cho làm « nhất thể » với người, với loài người, với tinh người. Thái-độ của làng thơ đối với tự-nhiên, là thái-độ đồng-hóa, là thái-độ thiện-cảm. Họ sẽ phụ-diễn cho thấu đáo mối cảm-tình đó. Hình-ảnh, xác-thịt, tâm-hồn của nghệ-sĩ, cũng như cây cỏ, vạn vật, đều có thể đem mà cảm-tình - hóa, đề mà phát biểu những nỗi cay đắng, xót xa, bức-bội, những điều ao ước sâu sa của loài người.

Phần nhiều tác-phẩm đều chan-chứa những ý-vị chan nuan, chua-chát, nhưng đọng bất bình. Ấy là ảnh-lương của triết học đông phương, mà cũng là cảm-ương tất-nhiên của một số thanh-niên trí-thức

sau khi cuộc Ân-chiến 1914-18 vừa kết-liệu, và đứng trước quang-cảnh phá-hoại chưa từng thấy xưa nay họ đã tỉnh giấc mộng « khoa-học vạn năng » họ đã chán nản với một nền « văn-minh rực-rỡ » chỉ đưa loài người đến con đường chết ! Họ không phải là chiến-sĩ chống-trọi với trào-lưu, hoặc có người đã trải qua một vài lần kinh - nghiệm đau-đớn rồi không có chí đi tới nữa, nên chỉ họ sẽ đứng về mặt tư-tưởng để mà phản-đối những trạng-thái hiện thời. Về phương diện này, ta có thể xem những tác phẩm biểu hiện như là những

thiên « bất-bình ca » của thời đại.

Riêng về tác-phẩm của Lỗ Tấn, trong bài thơ bằng tản-văn sau này, chúng ta cũng nhận thấy ý tứ chán chường như vậy. Cõi đời, việc người đã làm cho đến cả chiếc bóng của mình cũng chán-nản với hình hài, mà muốn đi chìm lìm vào trong bóng tối ! Vì đâu nên nỗi ? Trong mọi bài tự-tự cho tập văn « tự-tuyền » (Tập văn-tuyền của Lỗ đã chọn ở trong tác-phẩm mình), Lỗ đã cho ta biết rằng : Vào khoảng 1918-1925, có một hồi, Lỗ đã chán-nản với hiện-tình thế-giới, nhất là với thời cuộc nước Tàu Lỗ đã thấy mấy cuộc vận-động thất-bại, chỉ vì một bọn quân-phiệt, một bọn tai phiệt đã lợi dụng cơ hội chính-trị mà lo tự-tư, tự-lợi. Lỗ đã thấy trong hàng ngũ ngày xưa, anh em đồng-chí một số đông đã thành người quá-khứ, một phần thì phiêu-lưu ở đâu đâu, còn một bọn nữa thì không những mất hết tín-ngưỡng, mà lại còn quay đầu ngoảnh cổ đi đến con đường thỏa hiệp, đầu hàng ! Lỗ đã nói rằng trong mấy năm đó, nhiều lúc đã cảm thấy như là mình thân thơ trên bãi sa-mạc, lạnh lùng hiu-quạnh.

Thân - thế, tư - tưởng và hành - động của Lỗ Tấn đã cho ta biết rằng : mỗi chán nản đó chỉ là một trạng-thai nhất thời. Mặc dầu, bài thơ sau này có thể xem như một tài liệu có giá-trị trong thân-thế và tư-tưởng Lỗ-Tấn.

BÀI DỊCH

Dịch giá

Có những ngày giờ, ngủ đến say mê, không biết gì là ngày giờ nữa ; Người sẽ mơ màng thay Bong đèn tự-giã bằng mấy lị nơi sau này :

« Trên Trời-dang có những điều không vừa lòng tôi, tôi chưa thực lên ;

« Dưới Địa-ngục, có những điều không vừa lòng tôi ; tôi chưa thực xuống ;

« Cho đến cả cõi Hoang-Kim thế-giới ngày mai của loài người các anh cũng vậy ; vẫn có những điều không vừa lòng tôi ; tôi chưa thực tới :

(1). Thanh-Nghị số 28 — ra ngày 1er Janvier 1943.

« Nhưng chính anh, anh lại cũng chẳng vừa lòng tôi tí nào !

« Anh ạ, tôi định không đi theo anh nữa, tôi không thích ở lại nữa !

« Tôi không thích !

« Giờ thì giờ ! Tôi không thích ! Ấu là tôi dành thần-thờ trong cõi hư-vô !...

« Tôi chỉ là một mảnh bóng. Tôi sẽ từ-giã anh mà dìm mình vào trong bóng tối. Nhưng rồi đây bóng tối sẽ nuốt tôi mà !... Nhưng rồi đây ánh sáng lại cũng sẽ làm cho tôi tiêu-lấn !

« Nhưng tôi chả thích thần-thờ trong vùng sáng giờ, tối giờ ! Ấu là tôi sẽ dìm mình vào trong bóng tối !

« Thế mà chung-quy tôi vẫn thần-thờ trong vùng sáng giờ, tối giờ !

Tôi không hề biết giờ này giờ còn hoàng-hôn hay là đã sáng !... Thì tôi hãy giang cánh tay đen sẫm, gọi là chuốc chén rượu nồng, chờ đến giờ không biết gì đến ngày, giờ nữa, một mình tôi lủi thủi đi xa...

« Giờ thì giờ ! Nếu như hoàng-hôn đến, thì bóng tối sẽ dìm tôi chìm lỉm ! Không nữa, thì ánh sáng bạch của mặt trời cũng sẽ làm cho tôi tiêu tán, nếu như bây giờ là buổi bình-minh !

« Anh ạ, gần giờ từ biệt rồi...

Tôi sẽ vào trong bóng tối, mà thần-thờ trong cõi hư-vô !

Anh ao-trước tôi sẽ tặng anh món quà... Nhưng biết tặng anh món gì, bây giờ ? Có chăng thì cũng chỉ bóng tôi với hư-vô ! Mà tôi cũng chỉ thích dìm mình trong bóng tối, bằng không thì cũng sẽ tiêu tán trong ánh sáng mặt trời sáng bạch của anh thôi ! Tôi chỉ thích cõi hư-vô ; và tôi đã quyết sẽ không choán lấy buồng tim anh nữa !

Tôi thích thế đấy anh ạ !

Một mình, tôi sẽ lủi thủi đi xa. Không những không có anh, mà trong bóng tối mịt mù, sẽ cũng không còn một chiếc bóng nào khác nữa ! Chỉ có bao giờ bóng tối dìm tôi mà dìm lỉm, thì lúc bấy giờ bao-la vũ-trụ mới gọi là hoàn - toàn của tôi !...

ĐẶNG THÁI MAI dịch.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

== NHÀ XUẤT BẢN ==
HÀNG TÔNG PHÁT HÀNH

THỜI

= ĐẠI =

I. — XUẤT BẢN :

NGUYỄN VĂN NGỌC
ÔN NHƯ TUẦN TẬP

Truyện cổ nước Nam — Tục ngữ phong
dao — Cổ học tinh hoa

HOÀNG ĐẠO THÚY
TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ ?

NGUYỄN XUÂN KHOÁT
VIỆT-NAM NHẠC-PHỔ

Đã có bán. Giá: 0\$20

Quyết chí tu thân — Phụng mệnh quân
vương — Trấn thủ lưu đồn

NGUYỄN TUẦN
VANG BÓNG MỘT THỜI
(tái bản)

THANH TỊNH
NƯỚC CỜ NAM TIẾN

II. — TÔNG PHÁT HÀNH :

Hai cuốn thơ của :
PHAN KHẮC KHOAN
XA XA

Loại sách đẹp. Giá. 2\$00

HƯ VÔ

(dịch thơ của Omar Khayyam)
Loại sách đẹp. Giá. 1\$20

Mua buôn dưới 20 quyển trừ 25%, trên
20 quyển trừ 30%. Ngân phiếu đề cho :

M. ĐỖ HUÂN
214, Hàng Bông HANOI

VĂN-ĐỀ GIÁO-DỤC VÊ-SINH

VŨ VĂN CẦN

VĂN đề giáo dục vệ sinh ở xứ ta như chúng tôi đã có nhiều dịp nói trong tờ báo này, trước hết phải là một cuộc chinh phục dư luận. Muốn chắc chắn được sự thắng trận, ta tất phải có một chiến lược tinh vi, một chương trình thiết thực.

Sau một năm làm việc và suy nghĩ, xin đem trình các bạn đọc, và hất các bậc huynh trưởng trong gia đình y học, một vài ý kiến về mấy cái mục đích tối quan hệ mà chúng tôi cố tìm cách thực hành, và mong rằng được các bậc thức giả chỉ giáo thêm, cùng các nhà hảo tâm giúp đỡ, cho công cuộc của chúng tôi một ngày một tiến bộ.

Mục đích thứ nhất: bày tỏ các thảm khốc của những bệnh truyền nhiễm do thiếu Vệ sinh mà sinh ra.

Về phương diện vệ sinh, phần đông dân ta hải còn đang sống trong sự mơ hồ ai nấy lãnh đạm thờ ơ. Cuộc đời vẫn đục vẫn lơ lơ trôi xuôi giong nước mặc bao nhiêu sự khốc hại thảm thương của thần bệnh nhiều sách tàn phá. Những cái vạ xã hội ấy ta biết là tối nguy hiểm ta lại biết có thể tránh được thế mà thiên hạ thờ ơ chỉ vì không am hiểu. Công việc đầu tiên của ta há chẳng phải đem bày tỏ cho công chúng biết một cách rõ ràng những thảm khốc ấy, căn nguyên của nó và cách tiêu trừ hiệu nghiệm. Ta sẽ bày tỏ cho mọi người biết rằng thần sốt rét đã hủy hoại bao nhiêu sinh mạng (25 phần 100 người chết là do sốt rét) làm cho bao nhiêu người tuy sống mà chỉ là một bầy thần tàn ma dại. Ta sẽ bày tỏ cho mọi người biết rằng một cái trở lực to nhất trong sự yểu mệnh (1) của dân ta là do các bệnh họa liễu, bệnh giang mai đang ngấm ngấm hành hạ các cơ thể trụ lạc rồi lan rộng ra khắp mọi nơi. Còn bao nhiêu bệnh truền nhiễm khác tuy không được người ta biết và sợ (như bệnh lao, bệnh giang mai, bệnh sốt rét) như bệnh kiết lỵ, run sán, thương hàn... tất cả các ác tật ấy cũng đang đua nhau trong cuộc phá hại. Cảnh huống ấy ta phải tìm hết cách bày tỏ cho mọi người biết và khi dư luận đã sôi sục cảm kích, ghê sợ vì những tai vạ kia khi ta đã làm cho ai nấy đều bàng hoàng lo ngại như bị kẻ thu uy hiếp bấy giờ là lúc ta đem truyền bá các phương pháp đề trừ khử và đề phòng tại nạn, ta phổ thông vệ sinh.

(1) Theo cuộc điều tra của báo sỹ Ng. xuân Nguyên thì tuổi sống trung bình của dân Việt Nam là 25 tuổi nghĩa là một ng dân Việt Nam phải là cuộc đời giữa lúc một dân khố đang nỗ lực hàng hải làm việc.

Vệ sinh sẽ ban truyền khắp mọi nơi đem lại cho từng người những lời khuyên răn ngọt ngào, kin đáo, và hiệu nghiệm.

Mục đích thứ hai: Ta phổ thông một khoa vệ sinh bình dân, đơn giản và đáng yêu.

Mục đích thứ hai của ta là thay hình đổi dạng cái khoa học vệ sinh khó khan, khó hiểu với những lý thuyết, những thống kê trang thiên đại hải, ta cố làm cho vệ sinh thành một phương pháp giản dị đáng yêu lại thiết thực chắc chắn có thể cần được các bệnh truyền nhiễm.

Một cái trở ngại lớn. Cái quan niệm vệ sinh của ta tóm tắt trong năm chữ: «sống lâu hơn ở sạch» như ăn sâu vào trí não, nhờ đi thật là khó thể cho nên nếu ta giới thiệu với công chúng vệ sinh như một khoa học khắc khổ, khó khăn, phiền phức, ta sẽ thất vọng, vì không ai hưởng ứng.

Vệ sinh của ta đây rất chất phác, và dễ lỉnh. Nó chỉ là sự «sạch sẽ» Thế mà sạch sẽ thì năm bày cách, mỗi người mỗi cách. Ai cho rằng muốn sạch sẽ phải nhà cao cửa rộng, chậu tắm sứ, máy nước kền, buồng tắm, nhà sau sang trọng là nhầm. Sạch sẽ không phải là sự xa hoa. Vệ sinh không phải là dành riêng cho người giàu có.

Muốn vệ sinh, muốn sạch sẽ nói tóm lại chỉ cần phải có hai thứ: nước và xà phòng. như vậy thì dù là thau đồng, bể sứ hay chậu sành, gáo dừa cũng thế mà thôi, ai không sạch sẽ được.

Vệ sinh thật là sơ sài giản dị. Cái khó là lấy phép vệ sinh làm thói quen, coi vệ sinh là một sự nhu cần như ăn như mặc. Biết ăn no, mặc ấm, ta cũng nên biết sống theo vệ sinh.

Mục đích thứ ba: Hô hào lập những cơ qua^u chống bệnh truyền nhiễm.

Truyền bá vệ sinh tức là bài trừ một cách gián tiếp các bệnh truyền nhiễm hiện thời mà nhất là về tương lai. Nhưng nếu vệ sinh đã được nhiều người yêu mến và tin theo tức là gây được một phong trào có ảnh hưởng hoàn hảo đến việc thanh lập các cơ quan chống nạn bệnh truyền nhiễm.

Bởi vì khi đã hiểu được sự quan hệ của các cơ quan ấy, và khi đã biết cái giá trị của sức khỏe tất phải tìm cách chạy chữa khi chẳng may đau yếu.

Mong rằng cùng một nhịp với những kẻ lo việc giáo dục vệ sinh, lại có những nhà hảo tâm hăng sản không quản khó nhọc lập những nhà khám bệnh họa liễu làm những nhà dưỡng bệnh lao, những nhà khám sản phụ, những chỗ trông nom tiểu nhi, theo những cách tổ chức tại các nước văn minh. Một công cuộc đề chống nạn yểu mạng của đồng bào ta, tưởng không phải là không quan hệ.

Mục đích thứ tư: có một ngân quỹ đủ đề theo đuổi đến cùng cuộc chinh phạt các bệnh truyền nhiễm.

Ngoài công việc giáo dục; ta phải lo tìm các phương pháp đề gây lấy một ngân quỹ có thể giúp ta trong việc lập các cơ quan chống nạn bệnh truyền nhiễm.

Vấn đề lý tài trong công cuộc vệ sinh là một vấn đề rất cần. Vì không có tiền thì dù mục đích của ta hay đến đâu, công việc của ta quan hệ đến đâu, ta cũng đành bó tay. Vì những nỗi khó khăn muốn nghìn thứ.

Vậy thì ta phải có tiền, mà muốn có tiền thì có hai cách một là chinh phủ đỡ đầu hai là các tư gia giúp đỡ.

Bỏ tiền vào một công cuộc vệ sinh, có nhiều người nghi ngại, lo âu như sợ tiền vô ích.

Giáo sư Léon Bernard nói rằng: «Tiền về vệ sinh, tức là một cách tiết kiệm rất lớn, vì 1 triệu đồng tiêu về vệ sinh có thể làm đỡ được 10 triệu đồng về việc chữa bệnh» (Consacrer des sommes à l'hygiène c'est réaliser les plus fortes économies car un million de francs dépensés en faveur de la prévention évite une dépense de 10 millions de francs de traitement et d'assistance).

Và theo giáo sư Calmette thì những số tiền tiêu về vệ sinh là một cách «đặt lãi rất hời» mà đúng thật, xin lấy một thí dụ:

Hội sinh mệnh bảo hiểm «Métropolitan Life Insurance Compagny» bên Mỹ từ năm 1911 đến

năm 1926 tiêu tất cả hết 26 triệu mỹ - kim đề tổ chức một ban trong 4000 tỉnh ở Mỹ và giả na đại. Vì vậy mà số tử vì lao đã dứt đi được 51;61., nghĩa là trong một thời hạn 15 năm 417.628 mạng người thoát chết, chỉ nhờ 26 triệu Mỹ Kim. Nếu tính ra tiền sự tiết kiệm hơn 40 vạn mạng người kia ta sẽ thấy một số tiền là 75.500.000 mỹ kim

Mấy con số này kể cũng đã đủ hùng biện đề chứng thực lời nói của giáo sư Calmette, hà tất phải bàn nhiều —

Và mong rằng các bậc hảo sản trong nước không nên do dự đem đặt lãi theo cách của giáo sư Calmette cho cái «sinh mệnh tư bản» (capital humain) cả xứ ta được một ngày một trường thịnh.

Mục đích thứ năm: bài trừ thủ - đoạn nguy hiểm của bọn lang băm.

Muốn cho cuộc truyền bá vệ sinh giáo dục đạt được bốn đích trên, tất nhiên ta phải làm sao cho công cuộc ấy khỏi bị ảnh hưởng của bọn lang băm đang ăm ỹ quảng cáo một cách tráo tráo những phép chữa bệnh thần thánh làm mê muội lòng dân vốn tình tình chất phác, thật thà, người dân Việt nam trong lúc do dự rất dễ tin người. Mà không tin làm sao được. Họ bảo người ấy một cách quả quyết: «Tôi sẽ chữa tuyệt nọc bệnh lao» — «tôi sẽ chữa tuyệt nọc bệnh lậu trong 3 ngày» v...v...

Nếu công cuộc truyền bá một ngày một lan rộng, dân tình hiểu hơn đời chứt song chữa được rõ ràng, chỉ biết bệnh lao nguy hiểm, bệnh họa liễu nguy hiểm, Nếu bèn họ, tại lang băm mượn cơ hội danh vài chỗ yếu đồ ngon đồ ngọt chữa cho tuyệt nọc thì có phải ta truyền bá vệ sinh và y học đề phục sự tại vô lương tâm không?...

Nếu vậy cái nguy chả hiểm hiện rồi hay sao. Lúc này thiết tưởng là lúc phải mau mau hô hào cảnh tỉnh những người còn mê muội đang bị lừa dối. (1)

(Xem liếp trang 22)

(1) Thanh nghị số 2

(Tiếp theo)

Lưu BÌNH ra (than). — Ngày hôm qua ra ngõ gặp gái tôi lại trở về không. Ngày hôm nay tang tảng rạng đông tôi sang sớm kéo quan người đi vắng. Chờ một chốc thôi ngồi lại đứng tự tình mờ cho đến chiều hôm, mặt trời đã lặn, tiếng trống thu không; cậu Phòng ơi có bầm cho không? Ở cũng dở mà về cũng dở.

TIỂU ĐỒNG.— Anh này ra gan thật hôm qua đến hôm nay lại đến. Thôi tôi không vì anh nữa, tôi vì anh tôi phải quở năm bảy mươi phen hay là anh bảo tôi bầm không nên, việc ấy anh nhờ người khác. Quan tôi bảo quan tôi không bạn với kẻ nghèo đói nào sót.

Lưu BÌNH.— Trước sau tôi nhờ cậu bầm rõ cho tôi.

TIỂU ĐỒNG.— Tôi bầm rồi nhưng không được — Bác sang đây từ bao giờ, cơm nước chưa?

Lưu BÌNH.— Tôi sang đây từ sáng sớm đến giờ chưa có cơm nước gì cả.

TIỂU ĐỒNG.— Thế thì đói lắm đấy nhỉ. Bác ngồi đấy để tôi về tôi lục xem có cơm tôi đem ra cho mà ăn. (Vào rồi đem ra một bát cơm thiêu với quả cà muối)

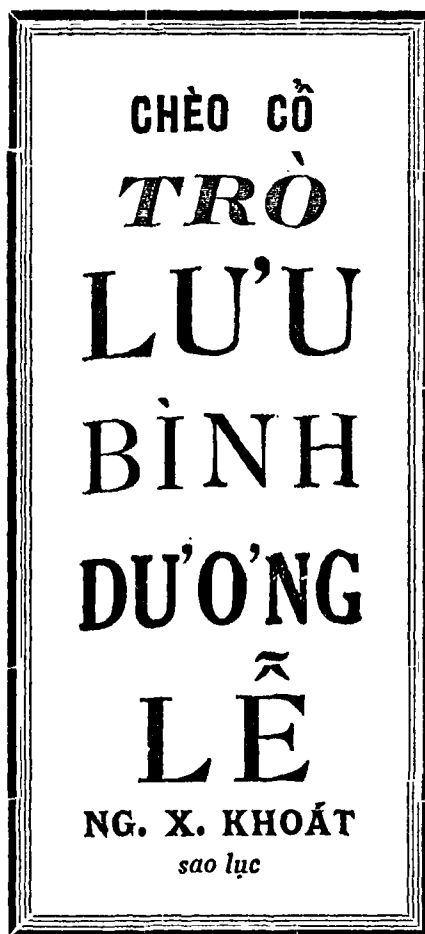
Lưu BÌNH.— Thương ôi, trông thấy cơm nghĩ cực trăm chiều, ăn làm sao cho được mà ăn. Chú nói làm chi cho tôi lặn dạn mấy mươi lần, già on chú tôi về không vậy.

TIỂU ĐỒNG.— Đã đói trông thấy cơm lại còn làm bộ. Cố mà ăn đi có được không.

Lưu BÌNH.— Không thể nào ăn được cậu có ăn thì ăn tôi chịu.

TIỂU ĐỒNG.— Thật anh rõ: rắn đói mà chế nge mù, di ăn trộm còn chế vãi hẹp khổ. Không ăn thì lợ mề nhà tôi càng dầy. Mời ông khóa ra để tôi đóng cửa. Bạn với chả bạn. (Tiểu đồng vào).

Lưu BÌNH (than).— Khốn nạn tôi cơ hàn nhường ấy rắp đem thân đến bạn mà nhờ, không ai ngờ người chẳng đoái nghĩa xưa—



Thân tôi thế trách người sao được. Con bây giờ tôi bơ vơ lưu-lạc. Than cùng ai cho ngổ nổi tấm lòng. Biết lấy gì đèn sách bút nghiên biết lấy gì áo thánh cơm hiền dưỡng thân—Này đây tôi đã về đến quán Nghinh-dương. Quán mát mẻ ngồi chơi tạm chủ. Sẵn nghiên bút tôi dễ thơ thất thủ đề bốn câu cho già tấm lòng sầu đề mai sau ghi làm sự tích.

Thơ rằng:

« Ngẫm xem thế sự cũng
nực cười

« Kia như chiều thủy nước
đầy vơi

« Bàng đề kim thạch còn
non tạc

« Cửa khép chỉ lan tịa bề
khơi »

CHÂU LONG (vào).— Thiếp đứng ngoài nghe trộm đã lâu, sao quán tử đa sầu chi mấy, sự gót đầu trước sau

chàng giậy, có thể nào thiếp đỡ được chăng?

Lưu BÌNH.— Nhọc nhằn thử chẳng ra hơi cô đã hỏi thời tôi xin nói: Vốn tôi nay con nhà dòng dõi, bạn Dương công từ thừa hàn vi kẻ đặc tri tôi thời thất thi; mong tìm đến anh em mà cậy, một là người bạn việc người khuấy, hai nữa là phú tác dịch giao, chực ba ngày tôi chẳng được vào thêm lắm tiếng nhiều điều sỉ nhục. Chỉ còn muốn theo đòi nghiệp học, nhà khó khăn thiếu thốn muối rủa. Chữ công danh tôi đợi đến bao giờ. Thân tôi thế muốn sống làm chi nữa.

CHÂU LONG.— Thiếp trình chàng, thiếp cũng con nhà dòng dõi chàm oanh; đa hồng nhan luống những cậy mình; Một hai ước hảo cầu cát sĩ; bởi bác mẹ tham bên tài hóa, ép thiếp vào lấy cửa phú thương; Trái duyên kiếp ở làm sao được. Gặp quán tử dương cơn nhỡ bước. Sách có chữ rằng: Hữu chi cánh thành; Thiếp xin theo chàng về cho tôi, gia đình giúp cơm áo nuôi chàng đi học.

Lưu BÌNH.— Đương cơn khổ nhục, không ai ngờ có có lòng thương. Thương này tôi ghi

dạ tâm thường. Tôi không sánh chữ *thất gia nghi hỷ*.

CHÂU LONG.— Thiếp gặp chàng đây là sự thiên duyên, mong cho chàng bề quế cung tiên, chàng đừng nghĩ trần ai vật sắc. Xin đừng lên đi kéo đường còn xa cách. Hành lý trình thiếp lĩnh thiếp mang, rời chân bước đăng trình một vạn, — Chàng đưa khăn gói thiếp mang.

LƯU BÌNH.— Khăn gói chả có gì chỉ có quần bút cùng quyền sách nát, còn mực thì không có.

CHÂU LONG.— Cốt sự nghiệp chữ cần gì !
(*Hai người cùng đi cùng hát*).— Kỳ ngộ thiên duyên, quán Nghinh đương kỳ ngộ thiên duyên. tấm lòng phú mặc hoàng thiên sánh bề. Ông nguyệt xe giây—Dây dun chàng đến chốn này với ta. Lấp bóng tường hoa. Ngắm xem thử ý người ta thế nào. Càng nổi trận rào, ruột tâm thôn thức áo bào chứa chan. Chẳng kịp thở than.

LƯU BÌNH.— Nay đây về đến quê nhà.— Nhà tứ bích nhất trần như tây—Khó hèn như thân tôi đã vậy, bỗng nàng đeo vạt vả vào mình số tôi nay còn muện công danh, đa mang thế ắt nhăng bên dăng hỏa.

CHÂU LONG.— Chàng đừng giẫy thế, thiếp giúp chàng từ thừa hàn vi, mong nhờ chàng tới con vinh hiển, lửa lương duyên bén quân lăm than thiếp đến chi đây—Thiếp còn e có một nhờ này, chàng có thương xin nghe nhờ thiếp : chàng đương lúc tiến công tu nghiệp sách có chữ rằng : *hữu chí cật thì* ; Đạo vợ chồng đành đó vội chi. Say huê nguyệt nhăng bên đèn sách. Nhà này thiếp ngăn làm hai vách; chàng phóng ngoài thiếp ở phòng trong chàng đêm ngày luyện tập *sử kinh* thiếp khuya sớm ra tạy *kim chỉ*. Gãy cung nguyệt thi vin cảnh quế rồi phòng xuân sẽ tỏ được huê. (*hát*) Đèn sách văn chương thiếp tôi khuyên chàng đèn sách văn chương. Dầu hao thiếp rót, bắc non thiếp ngắt, khoan ời tinh tang. Lính tưng song tinh mờ, đèn mờ thiếp kneu.

LƯU BÌNH (*học*).— Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yêu diệp thực nữ quân tử hảo câu, đào chi yêu diệp, kỳ việc trần trần chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân, Chi tử vu quy, nghi kỳ gia thất.

CHÂU LONG (*hát*).— Thiếp thời giữ chân dận tay rết, chàng thời ôn kinh thánh truyện hiền. Sang canh tư sao đầu dời chuyển. Mái tây bắc nhà thôn sao sắc

LƯU BÌNH.— Trong ba năm nay riêng chần riêng gối. Sự giàng hoa anh không dám ngỏ nhời. Mời nàng ra anh từ biệt một đôi lời. Lòng anh tơ tưởng chín khúc tơ hồng rút. Nàng ra làm lễ nghi gia thất ; trước tiều đăng khoa sau đại đăng khoa, trước ứng diềm bề quế xem hoa, sau rãi tổ tằm lòng thương nhớ.

CHÂU LONG (*hát sắp*).— Song cửa đóng then cài. Khăng khăng lại cửa đóng then cài, cửa trong mắc khoá của ngoài cài then. (*nói*) Nhời chàng dạy chẳng vàng cũng sợ, trong ba năm ngọc thiết bằng thanh; chẳng còn bao, công toại danh thành. Đã chĩnh thủy xin chính chung cho vẹn; chàng đừng nghĩ tâm tình uyên chuyển. Chàng ra thi thiếp cũng xin theo; Chàng nên công, áo gấm thêm huê. Thiếp trở lại nhà cho bằng lòng bác mẹ.

LƯU BÌNH.— Nàng là nữ nhân còn nói thế ta nam nhận ta có vội chi, mau sắm sửa lễ nghi, ta đăng trường ứng thí, (*hai người cùng hát*) Một bước lên đường, Liễu đương còn đó đoạn trường còn đây, chữ tình thâm mong trả nghĩa đây. Huê kia đã chấp côi này cho chừa. Đấy còn không dễ chúng anh chờ, hay là đã có nơi nhờ thời thôi, mỗi nhân duyên bởi tại ông trời. — *hạ tất*

(*số sau sẽ tiếp*)

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được:

1.) « *Les Réalisations de la Révolution Nationale en Indochine* » một cuốn sách chép tóm tắt và rõ ràng công cuộc của chính phủ đã thực hành ở Đông-Dương về mọi phương diện (chính trị, tài chính, văn hóa, xã hội, kinh tế...) kể từ hiệp ước bãi chiến hồi tháng sáu 1940. Sách này do phòng Thông Tin và Báo chí trình bày và xuất bản, theo tài liệu của các công sở thu thập.

2.) « *Nguyên nhân các thói xấu của trẻ con* » của Lê đoãn Vỹ. Giá 1\$20.

3.) *Tâm lý học* của Nguyễn đức Tinh. Giá 1.20.

4.) *Giáo dục nước Nhật* của Thái Phỉ. Giá 1.00.

5.) *Nước Nhật ngày nay* của Hoe Đình. Giá 1.20.

6.) *Mạc-lử* của Ngô lat Tố. Giá 2.00.

Bốn cuốn sách trên do nhà Mai-Linh xuất-bản

7.) « *Bệnh ho lao* » của bác-sĩ Lê văn Ngón, nhà Nguyen khánh Đam (Saigon) phát hành.

Trân trọng cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với các bạn đọc T. N.

MỸ-TÙ-PHÁP TRONG VĂN CHU'ONG PHÁP VÀ VIỆT-NAM Vũ bội Liêu

Không biết nhà văn Pháp nào đã nói người Việt-nam không biết trào phúng. Trái lại tôi thấy về phương diện này, chúng ta có một lối văn không những rất rời-rào, mà lại còn phản chiếu được tất cả cái tinh-thần đặc biệt của dân tộc mình. Muốn rõ điều ấy, ta cứ đọc những câu đối *tài tình*, những câu *ca dao* hóm hỉnh, có duyên, nhiều khi lại thâm-trầm sâu-xắc, ta hãy ngâm những vần thơ di-dễm của Xuân Hương, Nghê Tân, Tú Xương, Tú Mỡ. Các cụ ngày xưa vì bị trói buộc trong khuôn khổ chật hẹp của lễ-giao, nên ít khi phá lên tiếng cười ròn-rã, thường chỉ chota thấy một nụ cười mỉa mai kín đáo, có khi lại chứa chất nỗi đau thương chưa chất. Vì thế lối trâm biếm của ta rất nhẹ nhàng ý nhị, nhiều khi giống lối trào-phúng của người Pháp. Trong trường-hợp này, nhà văn Pháp và Nam đã lại một lần nữa gặp nhau.

I

Từ cái cười sỗ-sàng của Trạng Quỳnh đến lối nhạo báng chua ngoa của Hồ xuân Hương, và lối mỉa mai độc ác của Cao bá Quát

Lối không muốn nói ở đây đến cái giọng hài hước nhiều khi sỗ-sàng của Hồ xuân Hương, nhà nữ thi-sĩ chuyên môn nói lái, như trong những bài «Vịnh chùa Quán-sứ», «Qua Sông vô sóng» v. v., hay khi nàng mắng ông Chiêu Hồ dám cả gan ghẹo nguyệt giữa ban ngày. Cái anh «đồ tỉnh hay đồ say» ấy đã có lần mời nàng lên chơi nguyệt và hứa sẽ hái cho nàng cả «cành đa lãn củ đa!» Về sự sống-sượng, Trạng Quỳnh đã vượt lên một bậc nữa: chắc ai cũng biết bài thơ của ông giả làm nhời bạn viết thư về nhà quê thăm vợ: «Nhấn nhu ba bay chớ ngựa nghê». Một lần khác, Trạng đọc một bài thơ tiếng nghệ đề nhạo một cô hạng nước:

Bà bạn nay cô đã mấy tuổi?
Nước cô còn nóng hay là nguội?
Lụng-lãng tiền cheo dăm năm nệm,
Lơ phơ dưới mọc một buồng chuối.
Bệnh dạn bệnh dày đều xoa mợ,
Khoai ngựa, khoai lang cùng chấm muối. v. v.

CÁC LỐI HÀI H VÀ CÁCH PHA

Cô Hồ lại còn hay dùng một lối châm-biếm chua ngoa, trắng trợn, như những khi cô mắng «phường lòi-lói» dám nhọ-nhoe làm thơ viết bậy lên tường một ngôi đền, hay khi cô mắng một lũ học-trò đi theo sau mình thả vài câu thơ trên ghẹo:

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn-ngơ?
Lại đây cho chị giầy làm thơ.
Ông non ngựa nọc chằm hoa rữa,
Đê cồn buồn sừng húc đậu thừa.

Cao bá Quát mỉa mai các thi-hào trong Mặc-vân thi xã của Tùng Thiên-vương có viết mấy câu rằng:

Ngán cho cái mũi vô duyên,
Câu thơ thi-xã con thuyền Nghệ-an.

Ý ông nói thơ của các ngài thi-sĩ ấy cũng nặng mùi như mùi nước mắm trên con thuyền xứ Nghệ. Lại một hôm ông đi xem đôi voi phục mới đắp ở trước cửa đình làng. Thấy người ta bàn tán về việc lý-trưởng đã ăn bớt tiền của làng giao cho để thuê đắp đôi voi, ông liền làm ngay bài tứ tuyệt này:

Khen ai đã khéo đắp đôi voi,
Đủ cả đầu đuôi, đủ cả vôi.
Chỉ có cái kia sao chẳng đắp?
Hay là lý-trưởng bớt đi rồi.

Voltaire nha đại văn-hào Pháp cũng hay dùng một lối trào-phúng cay độc như thế, nhưng mà nhẹ nhàng, nhã nhặn hơn, như khi ông nhạo báng bạn đồng nghiệp J. Fréron, mà ông cho là một người nham hiểm vô cùng.

L'autre jour au fond d'un vallon
Un serpent mordit Jean Freron.
Que pensez vous qu'il arriva?
Ce fut le serpent qui creva.

(Hôm nọ trong lòng một thung-lũng, một con rắn cắn phải ông Jean Fréron. Các ngài có biết rồi sau ra làm sao không? Ấy rồi con rắn ấy lần ra chết.)

II

Nụ cười hóm hỉnh và... ngạo nghễ của các thần đồng

Pic de la Mirante lúc mới lên bảy đã nổi tiếng thông minh đỉnh ngộ. Một hôm có một ông cụ đã

U'Ó'C CỦA NGU'Ò'I PHÁP VÀ NAM N NGŨ' TRONG VĂN CHU'O'NG

ngoài sáu mươi tuổi nói trước mặt ông rằng: «Những người lúc bé đỉnh ngộ lắm thì nhớn lên hay hóa ra ngu dần». Ông thản nhiên nói: «Bầm cụ, có chắc rằng lúc thiếu thời cụ đỉnh ngộ lắm ă». Câu giả nhời tuy hỗn sược, nhưng rất tài tình, và tỏ ra rằng nhà bác học trừ danh người Ý ấy lúc còn nhỏ đã là một người tài trí khác thường. Chuyện này làm tôi nhớ đến ông Nguyễn Hiền ở bên ta, tục truyền đỗ Trạng nguyên từ năm 12 tuổi. Nhân có việc, vua cho sứ giả đi tìm ông. Gặp ông mà không biết, hỏi thăm, ông không thêm đáp. Sứ mới đọc một câu hỏi rằng:

«Tự» là chữ, cất giằng đầu, chữ «tử» là con, con ai con ấy? ông cũng ứng khẩu hỏi lại rằng:

«Vu» là chưng, bỏ ngang lưng, chữ «đinh» là đũa, đũa nào đũa này?

Ai là người không biết câu «Đất nứt con bọ hung» mà Trạng Quỳnh đem đối với câu «Trời sinh ông Tú Cát», dường như có ý bảo ông tú kia từ đây đừng dương dương tự đắc như thế nữa. Một hôm khác nhà có giỗ, Trạng ngồi thái thịt lợn, ông Tú Cát đến chơi trông thấy, lại ra câu đối rằng: «Lợn cần ăn cám tợn». Ông đối ngay: «Chó khôn chó cần cần». Câu ông Tú ra có nghĩa là lợn cần ('ợn cái cộc) ăn tợn nhiều cám, khó đối vì có hai chữ cần và tợn là tên hai quẻ trong bát quái. Trạng đối lại dùng hai chữ «khôn» và «cần» cũng là tên hai quẻ trong bát quái, mà lại còn có ý sược là bảo cụ Tú từ đây có «khôn» thì đừng ra câu đối «cần» nữa.

(Theo quyển «câu đối» của Ng. v. Ngọc)

Lại còn chuyện ông Nguyễn Hòe một hôm vào chùa báng bổ nhà sư đọc đùa rằng: «Cô sư lên đàn móng-sơn, liễu ra cả đấy, vải ra cả đấy». Nhà sư tức quá ra cho câu đối:

«Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong, nhất nông nhì sĩ».

Ông đối liền:
«Trên sư dưới vải, ngành lưng giở lại, nhất vải nhì sư».

III

Một lối trào-phúng nhẹ nhàng: Tú Xương và Tú Mỡ

Lại có một cách hài hước rất nhẹ nhàng, đó là lối trâm biếm của Tú Xương và Tú Mỡ. Trong lúc

viết bài này, tuy tiếng pháo nổ đã im bật từ lâu rồi, nhưng mọi người còn đang nô nức chơi xuân, vậy xin đem trích dưới đây một ít thơ trào phúng của hai ông «Tú» ấy nói về các cách «thường xuân» của các nhà văn và bọn tục tử.

Đã là văn nhân thì Tết đến ít ra cũng phải làm một vài bài thơ. Tú Xương viết xong một đôi câu đối liền dán ngay lên cột.

Hỏi mẹ mày rằng đốt hay hay?

— Răng hay thì thật là hay.

Chẳng hay sao lại đổ ngay tù-lai?

Xưa nay em vẫn chịu ngái.

Tú Mỡ đầu năm cũng làm một bài thơ, làm xong cũng tấp tênh bắt chước Tú Xương, đem khoe mợ Tú, chẳng ngờ lại bị mẹ đi nói cho mấy câu sượng mặt. Bài thơ rằng:

Chỉ chi tú ấy nực cười thay!

Chẳng phải nhọ mà chẳng phải tầy.

Rừng mở trêu đời văn mạch què,

Thế mà cũng tiếng... bấy lâu nay.

Làm xong:

Rồi ngâm nga dúi rung chuyện ghê mảy

Rồi chép lại rập thả ngay «giòng nước ngược.»

Bắt chước cụ Tú Xương thuở trước

Hỏi mợ tú rằng: «nghe được hay chẳng?»

Bữa môi, mẹ đi phê rằng:

«Nôm na mạch què lở lợng ngược đời»

Đầu năm đã bị rông rồi

Hắn là văn viết ngược đời quanh năm!

(Khai bút... rông!)

Ngày nay còn mấy người «thường xuân» một cách tao nhã bằng thơ văn như thế nữa? Mùa xuân đến đối với nhiều kẻ tục tử chỉ là cơ hội để ăn chơi cho thỏa thích, và để phô trương quần áo;

Chỉ cha chỉ chất khua dây dép

Đen thủi đen thui cũng lượt là. (Tú Xương)

Anh thì:

Khăn xếp vành song, quần là ống sớ,

Nam phục phụng rêu, áo trang tây gối.

Chị thì:

Quần lĩnh lẽ thê, áo màu sắc sỡ,

Xuyến mắc cùm tay, vàng đeo lặt cổ.

(Tú Mỡ)

Thiếu niên bây giờ đi chơi xuân bằng cách vào các chùa chiền đề... nhìn người đi lễ;

Đầu năm nhàn hạ thanh thời
Thú chi hơn thú dạo chơi chùa chiền
Người đi lễ kẻ đi... nhìn
Nhớ nhớ diễm các nàng tiên tân thời

(Tú Mỡ)

Hoặc vui đầu vào cuộc đỏ đen :
Ngắm sự chơi xuân thực vui ra phết.
Cờ bạc bê tha rượu chè be bét.
Tổ tép tổ tôm, tam cúc tam kết.
Tài xỉu, tài bàn, ích xì, ích xoẹt.
...Thưởng xuân còn dài, nhiều thắng còn chết
Tháng tết chưa tàn tiền lưng đã hết.
Xuân hồi là xuân ! Tết ơi là tết !

(Tú Mỡ)

Hoặc lần lóc dưới sòm, bình kang :
Xuống dưới xóm bình kang,
Chuyện nở như gạo vàng
Chuyện dai như cháo rách
Long cả bốn chân giường
Đồ cả bốn bức vách.

(Tú Xương)

Trong thơ của Sơn phong, cũng có nhời một anh
«rau quạp» đầu năm van vợ xin phép đi chơi xuân :
Lay vợ thương tôi lấy một ngày.
Cả năm tháo khoán, một hôm nay.
Rời ra nếu lại đầu vào đấy
Thì bộ râu này vợ cứ xoay.

(Sơn phong)

Trong một tác phẩm của ông, ông Lê văn Hoè giới thiệu với chúng ta một nhà thơ trào phúng ít người biết đến, ông Ngu_ễn hữu Chu, tục gọi là ông Đồ Liên, mà giọng văn hài hước phảng phất giọng văn của thi gia sông Vị. Tôi xin trích dưới đây hai bài thơ xuất sắc của ông :

Dày nhưt mặt đàn ông
Mười hai bà mẹ vụng về thay,
Nặng mặt đàn ông cũng quá tay,
Dao kéo cắt luôn nào thấy khuyết
Râu ria cạo mãi vẫn còn đầy.
Trơ mà đến nổi bầm không rỗ,
Rắn quá như ai vạc vẫn dày.
Nêu đề tự nhiên thấy kệ nó,
Để thường mọc lấp mắt mồm ngay !

Mỏng nhưt mặt đàn bà.
Mặt các cô sao vẫn mỏng quền ?
Hay là bà mẹ nặn không nên.
Tổn bao son phấn tô vào mãi
Chẳng thấy xương da mọc nữa lên.
Trẻ vẫn ra công bồi với trát
Già còn đất tạt lóm và đen !
Từ nay có muốn thêm dày dặn,
Đừng rửa đừng chùi cứ để nguyên.

Trích trong quyển « Thi thoại »

(Còn nữa)

kỳ sau đăng tiếp

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC VỆ SINH

(Tiếp theo trang 17)

Khó khăn thay, 9 phần 10 dân ta ở trong cảnh hưởng, ấy nạn thất học còn bất ngạt mông mênh. Đục nước béo cò, biết làm sao. Nếu những kẻ biết mà còn thờ ơ, để lợi nhỏ trên nghĩa lớn thì thật tự mình làm thiệt mình. Cái hại cũng hay lây, lây từ người không biết đến người biết, tránh sao được.....

..

Vấn đề vệ sinh giáo dục vệ sinh ở xứ ta ! Càng bàn đến càng thấy hoang mang. Công việc càng làm càng thấy như người bỏ muối xuống bể khơi Công việc to và nhiều, tài lực còn sơ thiên, có nhiều người cho là mơ hồ, viễn vông. Có lẽ. Nhưng thiết nghĩ có còn hơn không nên hơn một năm nay ban truyền bá vệ sinh và Y học của tổng hội sinh viên, tuy không phương kế, nhất quyết nỗ lực đem thi hành một chương trình giáo dục vệ sinh (1) Một vài điểm đã thực hành về phần thuyết lý cả lần thực hành, và được bà con Hà thành cùng các bạn trong báo giới cổ vũ (2) song kết quả đã có là bao. Chẳng qua mới gọi là kích thích được tấm lòng vị-tha của anh em thanh niên tha thiết mời anh em cùng đồng tâm hiệp lực tập làm việc xã hội. Chẳng qua mới bày tỏ được với quốc dân là thanh niên bây giờ đương cố gắng tìm một con đường đi đích đáng để khỏi phụ lòng mong ước của những ai.

Thế cũng đủ làm cho chúng tôi hăng hái mà công việc đã phác họa, và hằng hải hứa hẹn cùng nhau quyết một ngày một tiến.

VŨ VĂN CẦN

trong ban Truyền bá vệ sinh
và y học của tổng hội sinh viên

(1) Thanh Nghị số 13 — 15.

(2) Tin Mới ngày 19-12-42, Tri tân ngày 31-12-42.

Thanh nghị số tháng tám.



Dạy cho đồng-bào Việt-nam thất học biết đọc và biết viết chữ quốc ngữ là giúp cho họ biết cách phụng-sự quốc gia. Vậy bổn phận của chúng ta là phải giúp hội Truyền-Bá quốc-ngữ.

VIỆC TRUYỀN BÁ VỆ SINH Ở CÁC LÀNG

Chúng tôi vui lòng đăng bài lại của ban truyền-bá vệ-sinh và tân-y học trong tổng hội sinh viên trường Đại-học.

Công việc mà anh em đang theo đuổi là một cố gắng có nghĩa-lý chừng tỏ một tấm lòng tha thiết đối với đồng bào.

Chúng tôi thành thực khen ngợi các bạn và tin chắc rằng tiếng gọi của các bạn sẽ được nhiều người hưởng ứng. — T. N.

Từ ngày ban truyền-bá vệ-sinh của Tổng-hội sinh-viên ra đời tới nay đã hơn một năm, công việc bước đầu còn nhiều điều khuyết-diểm, và tài-lực thiếu-thốn nên phạm-vi hoạt-động vẫn còn hẹp-hoài.

Ban truyền-bá vệ-sinh trước hết được trường Y-khoa Đại-học Hanoi săn sóc tận-lực. Đó cũng là nhờ tâm-lòng sốt-sắng và đại-lượng của ông Hiệu-trưởng, giáo-sư Galliard. Sau khi hiểu rõ mục-dịch và cách hành-động của ban, ông không ngần-ngại đứng đỡ đầu.

Lại vừa đây, sau khi ông Thống-sứ Haelewyn nghe bài diễn-thuyết chúng tôi tổ-chức giúp hội Bảo-Trợ Phụ-nữ và Nhi-Đồng Việt-Nam và dự cuộc trưng bày tranh ảnh về vệ-sinh, ông rất tán-thành về công việc có tính-cách xã-hội này và ông rất vui lòng giúp đỡ. Vì vậy theo lời yêu-cầu của chúng tôi, trong lá thư ngày 18 Janvier 1943 số 1.022-A/3 ông đã cho phép chúng tôi tổ-chức tại các làng trong địa-hạt Bắc-kỳ:

1) Những bạn khám-bệnh và khuyên bảo về vệ-sinh không mất tiền.

2) những cuộc nói chuyện và trưng bày tranh ảnh về vệ-sinh.

Từ trước đến giờ chúng tôi chỉ mới được phép làm tại làng Tương-Mai. Nay phạm-vi hoạt-động được rộng thêm. Thật là nhờ lòng đại-lượng của ông Thống-sứ Haelewyn, chúng tôi lấy làm cảm-phục và hoan-hỷ. Thêm một tuổi, chúng tôi đã bước được thêm một bước.

Song nếu đó là một tin mừng thì đó lại là một mối lo. Lo vì tài-lực thiếu thốn, mà công việc làm thì mong-mênh bát-ngát.

Sự kinh-nghiệm tại làng Tương-Mai đã cho chúng tôi một bài học thực-rành, và chúng tôi đã nhận rằng:

Một mình chúng tôi đảm nhận lấy cả công-việc không thể được. Phải là một công cuộc hợp-tác của hương-chức và dân làng với chúng tôi cả về phần lý-tài lẫn phần tổ-chức. Chúng tôi sẽ tận-tâm tận-lực đem truyền bá và thực-hành những phương-pháp vệ-sinh bằng những ban khám bệnh, diễn-thuyết vân vân... song làng phải chịu trách-nhiệm về tiền - tài, và cùng với chúng tôi tổ-chức cho hoàn-hảo. Có như vậy công cuộc mới lâu dài bền vững và mới có hiệu-quả thực-hiễn cho dân. Mà đó là nhờ sự nhiệt-tâm của của các đàn anh trong làng.

Chúng tôi rất mong rằng những làng nào công-quỹ rồi rào lại có các bậc hương-chức sốt-sắng về vấn-đề vệ-sinh trong làng và muốn cộng-túc với chúng tôi trong công việc này cho chúng tôi biết ý-kiến, để có thể lập một chương-trình hanh-động rõ ràng. Chúng tôi định khởi công trong dịp nghỉ hè này.

Ngoài ra chúng tôi lại rất mong có các nhà hảo tâm hảo-sân và sốt-sắng về việc hương-xã, hăng hái giúp đỡ dân quê để cùng chúng tôi đặt hòn đá đầu tiên trong việc truyền-bá vệ sinh và y-học tại thôn-quê.

Chúng tôi xin mong đợi với một tấm lòng chân thành.

BAN TRUYỀN-BÁ VỆ-SINH VÀ Y-HỌC
Của Tổng Hội Sinh-viên trường Đại-Học Hanoi

Công-ước xã hội nào lớn lao mà lại có ý nghĩa nhất hiện thời? — Công-ước bài trừ nạn thất-học cho dân nghèo Chính đó là mục đích hội Truyền-Bá quốc-ngữ đang gắng công theo đuổi.

VIỄN PHƯƠNG

PHẠM CHÍ LƯƠNG

«**T**RỜI ơi ! Tchekov (1). Sao ông đã mất ?

Sao tôi không hầu truyện được ông, chiều nay trong gian phòng u ám ? » Đó là lời than thở, trên nhật ký của Katherine Mansfield (2), khi nữ sĩ biết nhà văn Nga nhắm mắt. Nhiều người cũng vậy, hay tin Thạch Lam bỏ sang đời khác, đều giật mình thương tiếc. 32 tuổi ! Chưa sống đang mạnh, đã kết sao được hết tình hoa. Đối với những danh sĩ Tây phương, số tác phẩm của ông thừa thớt quá. Ngoài nhiều bài đăng trên các báo Phong Hóa, Ngày Nay, Chủ Nhật, bốn tập. Gió đầu mùa (1938 truyện ngắn). Nắng trong vườn (1938, truyện ngắn). Ngày mới (1939, truyện giải), Sợi tóc (1942, truyện ngắn). « Vài ý nghĩ về văn chương » mang tên là Theo Giòng (1941), Thế là hết. Vậy mà Thạch Lam làm bay dậy trong văn giới một luồng gió xa lạ, một sinh khí mới. Đời nghệ sĩ ngắn ngủi, ấy thực là một đề tài tưởng cho những bạn yêu chuộng mọi sáng tác tinh thần, biết rằng kinh nghiệm của nhà văn ảnh hưởng một phần lớn đến công chúng do lối quan sát và thu nhận ngoại giới.

Ông sống một cuộc đời bằng phẳng. Không một cuộc viễn du nào đến đảo lộn thời biểu có phê dền đặn của ông. Chừng như cũng không có cuộc yêu đương khắc khoải, gắt gao nào đến vô sé tan nát tấm lòng ấy. Tôi ngờ ông chỉ là người sống yên tĩnh dưới một góc trời lặng lẽ, lắng xuống những cảm giác háng ngày để làm giàu tâm tư, cho chúng ăn xuống chiều sâu. Lối diễn tả và cách quan sát đều mang dấu vết tư cách trầm mặc ấy. Do đấy tài Thạch Lam giàu bao nhiêu đức tính tế nhị, phức tạp, xuyên thấu hoặc lách ngấm trong vô giác người đời.

(1) Một danh sĩ hiện đại,

(2) Một nữ sĩ Anh hiện đại.

Tinh tình Thạch Lam còn khác người một màu sắc tuyệt diệu nữa : hiền nghĩa sống, sống cho rồi rào và cần nhất làm người Việt Nam. hãy nên hưởng phong vị non sông Việt Nam. Chúng ta hãy nghe Huyền Kiêu, một bạn thân của ông nói đến tấm lòng thành kính của đứa con đất nước : Thạch Lam ở nhà tranh thích dùng những đồ đạc đơn sơ, mộc mạc : ghế mây giường gỗ phen trúc, mảnh tre. Thạch Lam như người viết song một tác phẩm hay khi được một cái tủ tre ghép dần dỉ, hay một cái bát sành da lươn cũ kỹ mà chỉ Thạch Lam mới biết được vẻ đẹp thanh tú hay khỏe mạnh. Ta không nên lạ khi thấy Thạch Lam suýt soa mở tiệc khánh thành một chiếc ghế mới hay ăn mừng việc tìm thấy một cái khay khảm cổ sơ...»

(Báo Thanh Nghị số 17, ngày 16 juillet 1942).

Qua khi cốt nghệ sĩ ấy phảng phất một triết lý xã hội rộng rãi và thương đời ; lẽ tất nhiên chúng ta tìm thấy trong tác phẩm Thạch Lam những phản ảnh rõ rệt. Xét đến những nguồn cảm hứng.

a) Chúng ta nhận thấy nhà văn xã hội ưa cúi mình, xuống những cảnh sống ngang trái và tối tăm của những lớp người nghèo. Đồng quê, quán nước, sô chợ, hè đường, là khung cảnh cho nhân vật truyện ông ; ông vào những nơi đó, mang theo trong lòng một cảm thương nồng nàn ;

b) Nhà văn, sở trường về những bức tranh tâm lý, thường vẽ những hiện trạng âm thầm nung nấu lòng người, phô bày bao nhiêu mẫu vị tình cảm, để cho người xem ngồn ngàng giữ những dung động hồi hộp. (Sợi tóc).

c) Ông còn muốn đi ngược dòng thời gian thức giấc những mê xay cổ xưa, gọi lại những niềm xa vắng trong cuộc sống cũ. Ông vô tâm chiếu hồn những nền nếp ăn ở thanh tao của thời qua : khuynh hướng kiến thiết đ

chưa mấy nhà văn theo đuổi. Ngay chính ông cũng bỏ lại sau khi viết tập « Hanoi, 36 phố phường » (chưa xuất bản).

Phương pháp của Thạch Lam là sự quan sát bề trong. Tâm lý con người ta bày ra bằng lời nói, bằng cử chỉ, không phải bằng những hành vi bất thường hoặc huyền ảo. Hàng ngày, một bóng giáng lâm thường một ngọn gió hiu hắt, một bóng hoàng lan, một ven sông, đều gây được đường lối cho một tình thể vui buồn, chạm đến tâm tư nghệ sĩ để ông dồn dập xuy ngấm. Sự tiếp cảm bằng trực giác sẽ thu lấy sức sống linh động trong mọi vật từ ngọn cỏ đồi cây đến những nỗi xa gần. Thạch Lam dùng lương năng nhiều hơn trí tuệ, kêu gọi nhiều hơn giảng dẫn. Nếu phải tìm một danh từ đích đáng, một định nghĩa tỏ rõ thực tại của nhà văn đó, có lẽ phải nói Thạch Lam thuộc phái « ấn tượng » (impressionnisme) hiện nay có vài người muốn bước theo, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh, Mai sau sự dật lùi của thời gian, may ra định đoạt được một trường văn.

Theo quan điểm ấy, chúng ta lược được nhiều tinh tú hàm súc một ý niệm thuộc về tình cảm; Tả vẻ đẹp của thiếu nữ, ông viết « *ngây người trước cái sắc đẹp của nàng; tuy còn nhỏ tôi cũng biết là tôi đương đứng trước sự gì quý báu và hiếm có, một sự gì mong manh rồi sẽ không còn có nữa* ». Một đau lòng thấm thía, ông coi như một vết thương sắc thịt « *đôi môi chàng chảy máu và đau đớn* ». Nét mặt quắt queo của mẹ Lê, ví với những « *rắn rọ* » trên « *quả chàm khô* ». Một cảm giác lạnh lẽo nổi giãy trong lòng trước một cánh đồng chỉ trơ cuống dạ dưới gió bắc lạnh như *lưỡi dao sắc khía vào da* »...

P. C. L.

CAU TRUYỀN

== CÔ KIỀU BỊ BẮT ==

(Tiếp theo trang 9)

Nếu ta cho rằng cụ Nguyễn Du nệ lấy điển sao Sâm, và ta lại giả-thiết có thể định chỗ rõ ràng (Bằng các kính thiên văn) mà biết vị - trí trăng và sao Sâm, thì thuyết ấy cũng có thể được. Duy chỉ tính ra cô Kiều bị bắt về buổi quá nửa đêm; đối với bản Kiều gốc không hợp lắm. Vậy lấy thuyết sao Sâm là câu-nệ đến hai tầng và ít hợp bản Kiều chữ bằng thuyết kia.

Mặc dầu độc - giả nghĩ luận thế nào, tôi cũng lấy làm sung sướng vì đã được dịp nói lại câu chuyện Khoa học hữu tình kia, đã được dịp biết tiếng ông Hoàng u Mai, người có óc khảo sát và đã được dịp trao đổi ý kiến với ông bạn Đào duy Anh mà tôi kính trọng bởi nhiều bề.

Tài bút. — Trả lời câu hỏi trên.

1.) Hình 1 vô lý, vì trăng như vậy là có mặt trời đứng gần trên. Nếu thế thì sáng quá không thấy trăng nữa.

2.) Hình 2 có thể là do sự ngấm phong cảnh mà vẽ thực. Nếu ta vẽ đường huyền của cung trăng và vẽ nổi dài lên thì ta thấy thành chữ d. Vậy trăng này sau hạ huyền (d đứng đầu chữ dernier quartier hay là chữ dưới).

Hình lưỡi liềm này là vào ngày hăm sáu, ngày ấy trăng chừng ba giờ mới mọc. Vậy lúc vẽ chừng ba giờ rưỡi sáng. Và vì trăng mọc nên núi ở phương đông.

HOÀNG XUÂN HẸN

Muốn nâng cho trình độ sinh động của đồng bào thì phải giúp hội Truyền-Bá quốc-ngữ.

PÉDOCA
vinaigre de bon goût

EN VENTE:
dans tous les grands magasins
d'alimentations

N° 136
Boulevard A. Rousseau
Téléphone : 1663
HANOI

Cuộc tiên-hóa của nền tư-bản Âu-Tây

VŨ VĂN HIỀN

IV. - Cuộc cách-mệnh kỹ-nghệ và tư-bản kỹ-nghệ trước 1850.

Từ 1775 tới 1830, kinh-tế phía Tây châu Âu tiến-bộ một cách nhanh chóng vô cùng, mà nhất là nền kỹ-nghệ thay đổi sâu sa khiến cho người ta có thể nói rằng trong khoảng thời gian ấy Âu châu đã qua một cuộc *Cách-mệnh kỹ-nghệ* (révolution industrielle).

Đặc điểm của cuộc cách-mệnh ấy là sự tiến-bộ cơ-khi (máy móc), sự tập-trung việc sản-xuất và địa-vị tối quan-trọng của các nhà kỹ-nghệ thay chận các nhà hương-mại để điều-khiển nền kinh tế.

Vì thế đó nên người ta còn nói rằng sau cuộc cách-mệnh cuối thế-kỷ 18, nền tư-bản Âu-Tây đã tiến từ thời-kỳ thương-mại đến thời-kỳ kỹ-nghệ.

Thật ra, thì từ nửa trên thế-kỷ 18 người ta đã thấy lập những «xưởng» (manufactures) to, tập trung nhiều thợ-thuyền trước kia vẫn làm việc giải giáp mỗi người một nơi. Cuối thế-kỷ 17, nhà chính-khách Pháp là ông Colbert đã khuyến khích lập nhiều xưởng như thế và muốn cho các xưởng ấy đứng vững và được thịnh đạt, chính phủ Pháp cho kỹ nghệ trợ-cấp và nhiều đặc-quyền trong sự sản-xuất và giao-dịch.

Ngoài ra, trong nhiều ngành, các nhà tư-bản cũng họp thợ-thuyền lại một nơi để tiện kiểm-soát, tránh tiền phí-tồn về vận-tải và dễ chia công việc cho dễ: thí-dụ như trong nghề khai mỏ, nghề dệt len ở Pháp và làm dĩa tại miền Nam nước Anh.

Ở một vài nơi, người thợ bấy giờ đã bắt đầu không còn là chủ các khí-cụ dùng cho sự sản-xuất nữa mà thành ra người làm công (salarie) trái với nhà tiểu-công-nghệ là người tuy bị nhà buôn tư-bản kiểm-soát nhưng vẫn còn có quyền sở-hữu khí-cụ mình dùng.

Tuy vậy, những trạng thái trên đây đến cuối thế-kỷ 18 nhờ sự xuất-hiện của cơ-khi mới lan

rộng ra khắp mọi xứ ở Tây-Âu và ra nhiều ngành kinh-tế.

Từ đời thượng-cổ người ta đã biết dùng những khí-cụ (outils) để tăng sức người và để cho công việc làm thêm kết-quả. Nhưng từ cuối thế-kỷ 18 thì người ta mới bắt đầu dùng cơ-khi hay máy móc (machines).

Trong phạm-vi bài này ta chỉ có thể nói qua rằng về phương-diện kinh-tế cơ-khi hay máy-móc khác với khí-cụ, vì khí-cụ chỉ giúp thêm vào sức-lực của người làm việc còn máy móc thì lấy sức ngoài để thay cho công việc của người, và có nhiều thứ đồ dùng vừa có tính cách một khí-cụ và tính-cách một cơ-khi (nên gọi là công-cụ hay là machines outils).

Cơ khí xuất-hiện và bành-trướng ở nước Anh và trong kỹ-nghệ dệt bông trước nhất. Kỹ-nghệ dệt bông là kỹ-nghệ quan-trọng nhất hồi bấy giờ từ 1733 đến 1765 các ông Kay và Arkwright chế ra máy sợi, từ 1785 đến 1790 xuất-hiện máy dệt sợi; và muốn cung-cấp đủ số bông dùng cho các máy đó, năm 1793, ông Whitney chế ra máy nhặt hạt bông («Cottongin»). Muốn có một ý-kiến rõ ràng về cuộc cách-mệnh trong kỹ-nghệ dệt bông ở Anh ta hãy so-sánh hai con số nhập cảng trong khoảng hơn 50 năm đó: từ 1771 đến 1775 mỗi năm trung-bình non 50 triệu livres; riêng một năm 1830: 264 triệu livres.

Đồng-thời, kỹ-nghệ chế-tạo cơ-khi cũng thay đổi rất nhanh: năm 1790 ông James Watt (người Ecosse) hoàn-bị xong thứ máy chạy bằng hơi nước; người ta bắt đầu dùng máy ấy trong kỹ nghệ chế sắt và làm mỏ; rồi đến năm 1807 chiếc tàu «Clermont» của nhà chế-tạo Fulton chạy lần đầu trên hồ Hudson (nước Hoa-Kỳ) và năm 1825 người Anh là George Stephenson tham-bac những điều sáng-chế từ trước, cho chạy đoàn hỏa-xa đầu tiên từ Stockton đến Darlington.

(Xem tiếp trang 29)

NGÃ BA NGÃ BA NGÃ BA

(Tiếp theo trang 6)

sáng nhất, là hai ông cháu vui vẻ. Mạnh lùi ra chỗ tối, nắm lấy tay Cầm. Ngoài giờ nằng tắt hẳn. Cả sân khấu lồi mờ mờ, duy có chỗ hai ông cháu ngồi là sáng hồng. Thi bỗng rung mình đứng dậy, tiến lại phía Mạnh và Cầm. Ba người đứng ngắm hai ông cháu.

LÃO-TRƯỞNG.— Cháu ạ, cái cây ngâu đập gốc lại, may thì sống đấy. Còn những luống hồng, luống cúc, sớm mai ta phải tĩa phải bón, nhờ cô nhật sâu, kéo chết lụi mất cả

CÔ THIẾU-NỮ.— Thưa ông, gốc nhũn phía nam bằng tuổi cháu, có phải không ạ?

LÃO-TRƯỞNG.— Phải, chính cái hôm ông qua thăm ông bạn ở đây, thấy ông ta đánh cây nhũn vào chỗ ấy, về nhà thì được tin mẹ cháu mới đẻ cháu hồi chiều. Thăm-tỉ-oắt gần mười sáu năm rồi đấy.

Một lát. Bỗng một tên người nhà ở phòng bên ra.

TÊN NGƯỜI NHÀ.— Thưa các ông, cơm đã dọn rồi, xin mời cụ, mời các ông, mời cô sang cho.

HẠ MÀN
(Hết cảnh thứ nhất)

Cảnh thứ hai

Màn vừa hạ lại kéo lên ngay. Cũng vẫn cảnh trí ấy. Đèn đã khuya lắm. Mặt giăng hạ tuần đã lên cao, chiếu hìn-hắt một ánh sáng mờ lạnh vào trong phòng qua cửa vườn mở rộng. Một đĩa đèn dĩa thấp le lói trên bệ, trước ngôi tượng Phật.

LỚP THỨ NHẤT

Lượng, Bộc

Dưới ánh mập mờ của lò sưởi than hồng và của một cây đèn dầu để trên mặt lò sưởi, tên Bộc gù say rượu gục đầu vào bàn mà ngủ. Lượng ngồi ủ rũ ngắm cái cảnh tượng một tiệc rượu đã tàn. Một lát. Lượng bỗng như người chợt tỉnh rụi mắt, nhìn quanh nhà, rồi lại nhìn Bộc trừng trừng.

Lượng.— Bộc ơi, Bộc! Ô, đây là đâu? Bây giờ là bao giờ? Tôi là ai? Tôi làm gì ở đây lúc này? Tôi mơ hay tỉnh? và cái cảnh đời tưng bừng vừa rồi là cảnh đời nào? Cái gì là thực mà cái gì là hư ảo? Bộc ơi, Bộc! chúng ta còn sống hay đã chết từ bao giờ? Lúc này ta đương mơ thấy mây ngũ li bì trên tiệc rượu, hay chính mây đương mơ thấy ta hối hoảng trong đêm trường? Giếng kèn ai-oán còn vắng vắng trong tai ta, ấy là tiếng kèn nào vậy?

hay là tiếng kèn chôn tôi mà tôi là một tấm vong hồn chưa giải- thoát? Ô hay! đầu tôi nặng mắt tôi mờ, chân tay tôi rã rời bải hoải, cái thân tôi còn nặng nề như thế này mà có lẽ nào tôi chỉ là một tấm anh hồn phiêu lãng? Tay tôi còn sờ thấy tôi... hay chỉ là một cái ảo tượng? Bộc ơi, Bộc! nếu mây còn là mây, thì hãy lên tiếng, hãy bảo cho ta biết, hãy soi sáng cho tâm thần ta, kéo ta ra khỏi vô cùng. Bộc! hãy vùng dậy mà giải thích cho ta cái nỗi ngờ vực oan khien này. Bộc ơi Bộc! sao mây không lên tiếng? sao mây không trở dậy để là một cái gì đó, trong một phút giây thôi? Trời ơi. Trời! hãy soi sáng cho tâm thần u mê của tôi, hãy cho tôi biết chắc chắn tôi đương là cái gì bây giờ! Ánh sáng nào mờ lạnh bên thềm kia? hay là ai đó? Ôi! trời đất hoang mang, tinh thần mê loạn tôi khổ đến như thế này ư?

Lượng ôm mặt mà khóc, và ngã quỵ xuống.

LỚP THỨ HAI

Lượng, Bộc, Thiếu nữ.

Cô Thiếu-nữ ở ngoài vườn bước vào trong phòng, mặc áo trắng dài, và tóc để xõa sau lưng. Tiến đến ngôi tượng Phật, cô vói đĩa đèn dầu, rồi ngồi sang phía cửa phòng bên tả. Trông thấy Lượng quỵ gục xuống đất mà khóc, cô đứng lại, nghe ngóng. Bỗng tự ngoài xa, tiếng trống điểm canh tư. Lượng giật mình trông lên, ngơ ngác nhìn cô thiếu nữ.

Lượng, vẫn quỵ dưới đất. — Ai đó? Ai xõa tóc đứng kia, vào đây từ bao giờ mà chân đi êm không tiếng động?

Cô THIẾU-NỮ.— Sao ông lại quỵ xuống đất thế kia có lấm láp và lạnh lẽo không? Ông có nghe vừa rồi tiếng trống sang canh đó không? Đã canh tư rồi, mà ông còn thức làm gì một mình ở đây?

Lượng, vẫn quỵ. — Cô là ai? mà tôi là ai? Ngọn đèn dầu le lói trong tay cô có soi sáng được cho tấm lòng u-uất của tôi không?

Cô THIẾU-NỮ.— Ông hãy còn say rượu à?

Lượng.— Tôi say rượu? Tôi uống rượu? Ô! thế tôi là ai? Mà tôi tỉnh hay tôi mơ thế này?

Cô THIẾU-NỮ.— Ông hãy đứng dậy đi. (Lượng đứng dậy) Và ông hãy gấp nước vào đầu vào mặt cho tỉnh táo đi, vì tôi chắc là ông đã hết say rượu rồi, nhưng hãy còn sáng suốt đó thôi.

Lượng.— Vậy ư cô! cảm ơn cô đã bảo tôi điều đó. Cô hãy chờ tôi một lát. (Chạy ra hiên, vục đầu vào một chậu nước, rồi lau mặt, quay nhìn bốn phía giới đất, rồi chạy vào.) Cảm ơn cô.

Cô THIẾU-NỮ.— Có gì đâu mà ông phải cảm Ơu?

LƯỢNG.— Cô không biết rằng cô vừa kéo tôi ra khỏi một cơn mê sáng.

Cô THIẾU-NỮ.— Làm sao thế, ông?

LƯỢNG.— Tôi vừa tỉnh cơn say rượu... Nhưng mà thôi, nói lại làm gì, tôi chỉ biết rằng tôi còn là tôi, là nhờ cô đã soi sáng cho tinh thần tối tăm của tôi bằng mấy lời nói vừa rồi. — Nhưng mà cô cảm ơn đi đâu thế này? Mà cô cũng thức khuya thế ư?

Cô THIẾU-NỮ.— Tôi ra thăm cây cối ở vườn bên, vừa vào, đang soi đường về phòng nghỉ, thì trông thấy ông.

LƯỢNG.— Thăm cây cối? Lại nhĩ! nhưng mà tôi tò mò quá, xin lỗi cô. Mời cô về phòng yên nghỉ...

Cô THIẾU-NỮ.— Thưa ông, có gì là tò mò đâu, mà cũng có gì lạ đâu? Thường những đêm sang giăng như thế này, tôi hay thức giấc lắm, và hình như cây cỏ cũng không ngủ được đâu, vì giờ sáng quá. Cho nên tôi ra thăm mấy cây hồng, cây nhĩn vừa đắp gốc ban chiều, cũng như đi tìm mấy chị em bạn mà nói chuyện vài câu...

LƯỢNG.—Ồ, lạ nhĩ. Xin lỗi cô, cô là ai? và cả ông cô nữa, là ai?

Cô THIẾU-NỮ.— Ông hay xin lỗi quá, vô ích, vì có lỗi gì đâu. Mà các ông lạ quá, cứ hỏi hai ông cháu chúng tôi là ai, ở đâu tới và sẽ đi về đâu. Hình như cứ cần phải là ai, và cần phải đi đâu mới được hay sao? Thôi, chào ông, và mời ông đi nghỉ.

Vừa lúc đó, ngọn đèn trên lò sưởi cạn dần tắt phụt. Trong phòng, ngoài ánh giăng xanh mờ ở cửa và ánh hồng ở lò lửa đã gần tàn, thì chỉ còn một nguồn ánh sáng là đĩa đèn dầu trong tay cô thiếu nữ, tiến dần về cửa phòng bên tả.

LƯỢNG, trước khi ngọn đèn đi khuất.— Cô em! Cô làm ơn... nếu cô không cần đến ngọn đèn kia lắm...

Cô THIẾU-NỮ, trở gót lại.— Thưa ông, cũng không cần lắm ạ. Nếu ông cần đến, thì xin gửi lại đây ông dùng.

Cô lại đặt đĩa đèn lên bệ, trước tượng Phật, rồi quay gót về phòng bên tả. Bấy giờ, điểm sáng độc nhất trong phòng là ngôi tượng Phật, được ngọn đèn soi óng lờp vàng son. Lượng như bị ngọn đèn đó thôi miên, tiến mãi về phía ngôi tượng, rồi dừng lại cách vài bước, chiêm ngưỡng. Một lát sau, Mạnh ở phòng bên hữu bước ra.

LỚP THỨ BA

LƯỢNG, BỘC, MẠNH

MẠNH.— Lượng chưa đi ngủ à? Thức làm gì khuya thế? mà đừng làm gì xừng xừng thế kia?

LƯỢNG, sau một lát im lặng.— Anh Mạnh ạ, tôi hiểu rồi!

MẠNH.— Hiểu cái gì?

LƯỢNG.— Hiểu tất cả, tất cả cuộc Sống của muôn loài, tất cả số Mệnh.

MẠNH.— Bao giờ cho anh hết say đề nói nhữ... lời linh táo?

LƯỢNG.— Anh Mạnh, anh có biết lúc này là lúc nào không, mà anh nở thốt ra những lời nông-nổi? chỉ một lát nữa thôi, trong những tiếng chó xủa trắng, tiếng côn trùng, tiếng vỗ cánh âm ước của chim đêm, anh sẽ nghe thấy từ xa vọng lại hồi trống sang canh năm. Vậy anh có hiểu gì không?

MẠNH.— Tôi xin thú thực rằng tôi hiểu hơi chậm những câu thơ bí hiểm.

LƯỢNG.— Không, không, anh hãy nghe tôi. Lúc này là lúc canh tàn. Nghĩa là lúc rượu tỉnh. Không bao giờ tôi minh mẫn hơn lúc này, và nói những lời sáng suốt hơn, vì tôi đã tỉnh cuộc rượu và tỉnh cả cuộc mê lớn của đời người. Tất cả các anh còn chìm đắm trong sự mê cuồng. Còn tôi, đã được cái điểm phúc là HIẾU,— mà HIẾU có nghĩa là SÁNG SUỐT, anh biết không? Tôi đã được HIẾU, trong phút vừa qua, sau một cơn cuồng loạn.

MẠNH.— Anh Lượng, tôi thề trước ngôi tượng báu này là tôi vẫn tin rằng sẽ có thể có một cuộc thay đổi lớn trong đầu óc anh, nhưng lần này thì anh đã cho tôi tin tưởng được ở lời nói của anh hay chưa?

LƯỢNG.— Tôi đã hiểu cả rồi anh ạ, trong một giây phút dị thường vừa qua.

MẠNH.— Trong khi chiêm-ngưỡng ngôi tượng phật này chăng?

LƯỢNG.— Không, trước khi chiêm-ngưỡng.Ồ, lạ lùng lắm, anh ạ. Anh có đề ý gì đến hai ông cháu cô bé tới đêm qua không? Lại lắm, lại lắm.

MẠNH.— Tôi đề ý nhiều lắm. Và có lẽ tôi cũng gần hiểu như anh..

LƯỢNG.— Song, các anh còn suy luận nhiều, các anh không có một phút rượu tỉnh canh tàn như tôi đề mà giác ngộ hoàn toàn... Một phút giây thôi, nhưng mà dài lắm. Đề rồi tôi sẽ kể anh nghe. Và chúng ta sẽ đứng yên đây mà đợi sáng, đợi ánh mặt trời rạng rõ trên ngọn núi kia, và sán lạn trong lòng chúng ta

MẠNH.— Vậy, không phải miếng gỗ mục nát này đã giác ngộ anh?

LƯỢNG.— Không phải hẳn. Nhưng tôi được hiểu, tôi càng chiêm ngưỡng ngôi tượng này, tôi càng cảm-thông với vị siêu nhân đời xưa đã tỉnh tâm dưới gốc bồ-đề, và từ tôi đến Thích-Ca-Mâu-Ni chỉ còn khác chút đỉnh là Thích-Ca đã trọn được kiếp của Người, mà tôi mới trọn được một phút-giây này. Nhưng tôi thấy rằng phút giây này đã là phút giây vĩnh-viễn.

MẠNH.— Anh Lượng, anh có biết rằng tôi đang ngấm anh để xem có nên quý xướng chân anh xin

(Xem tiếp trang 31,

VIỆC QUỐC TẾ

Trong nửa tháng vừa qua, *Đông Dương* đã mất ở bác-sĩ *Yersin*, một vị ân nhân của xứ này mà cũng là của nhân loại. Sau một đời tận-tụy và hy-sinh cho khoa học và hạnh-phúc của chúng ta, bác sĩ đã từ trần tại Nha-trang đêm 1 Mars 1943.

∴

Mặt trận Á-Đông.

.....quân Nhật đồ-bộ ở Quảng-châu-loan (21 Février) và ký với chính phủ Pháp hiệp-ước phòng thủ chung đất này. Mục đích của Nhật là ngăn cản việc chính phủ Trùng-Khánh định lập nơi căn-cứ không quân ở bán-đảo Lôi-Châu. Ở Viễn-diện Anh Mỹ tấn-công để lấy lại xứ này nhưng thất-bại.

∴

Mặt trận Nga.

Hồng-quân tấn-công bất-mạnh ở phía Nam, Khu Kouban hai bên đang cầm cự ở phía đông eo biển Kertch. Ven bờ hồ Azov cuộc giáp chiến gay-go giữa khoảng Marioupol và Taganrog. Phía trên, khu Donetsk, quân Đức phản công ráo riết và lấy lại được mấy thị-trấn. Giữa khoảng Kursk và Khpakov, quân Nga tiến chậm hơn về phía thành Kiev, một đô thị quan trọng bậc nhất của miền Ukraine.

Nhưng ở khu trung ương và mặt Bắc, nỗ lực tấn-công của Nga trở nên mạnh mẽ hơn. Có tin thống chế Timochenko lên cầm quân ở Tây Bắc phía Nam hồ Il men. Ở đây quân Đức tuần tự rút lui, bỏ thành Rjev và thành Gzaltsk (cách Moscou 180 cây số về phía tây). Mị nước Lettonie, Lithuanie, Esthonie sắp bị uy hiếp nên đã có lệnh tổng-động-binh. Hiện nay quân Nga, Đức đại chiến ở khoảng giữa hai thành Rjev và Viasma. Phía dưới, trên một mặt trận kéo dài từ Briansk đến Orel quân hai bên xung đột khủng-khiếp vô cùng và Nga chiếm thêm mấy đô-thị ở phía nam Briansk.

∴

Mặt trận Tunisie

Đến thời-kỳ quan-trọng là vì lộ quân thứ tám của Anh đã liên-lạc với quân Mỹ. Ở phía Đông-Nam quân Anh tấn-công vào chiến-tuyến Maréth của thống-chế Rommel. Ở phía Tây-Nam và khu Trung-ương sau khi thắng quân Anh-Mỹ, quân Đức ý lại rút lui bỏ lại những thành đã lấy được. Quân Đồng-minh lần lượt lấy lại Feriana, Sbeitia Si ti-Bou-Zid Redeya và hiện nay đang tiến ở khu Gafsa, phía Bắc hồ El Djerid. Quân Đức ý hình như không có mục-đích chiếm đất mà chỉ cốt giữ vững được thế trận phòng-thủ ở phía Bắc làm yếu-sức của địch-quân, cùng là quấy rối chương-trình tấn-công của họ.

Viết ngày 11 Mars 1943.

ĐỖ ĐỨC DỤC

CUỘC TIẾN HÓA CỦA NỀN TƯ BẢN

(tiếp theo trang 26)

Để làm các thứ máy kể trên đây, càng ngày người ta càng cần thêm sắt. Trước kia người ta phải dùng than củi để chế quặng thành thép, như thế vừa chậm vừa đắt. Từ 1760 đến 1780, xuất-hiện các lò chế thép dùng than đá sức sản xuất gấp bội làm cho sự chế-tạo sắt và thép đủ cung-cấp cho sự nhu-cần của kỹ-nghệ.

Các mỏ than, mỏ sắt cùng các mỏ sản-xuất những thứ kim-khí khác, vì thế cùng phát-đạt.

Rồi vì cần nhiều thứ để nhuộm các thứ vải dệt ra, người ta bắt đầu bỏ thảo-mộc mà dùng đến các khoáng-chất; sau khi đã tìm được cách chế acide sulfurique, và acide azotique, người ta

dùng hai chất cường-toan ấy và chất nitrates mới lấy được ở các mỏ xứ Chili (Mỹ-châu) mà phát-khởi những kỹ-nghệ về hóa-học: kỹ-nghệ làm chất nổ, làm soude, làm các chất nhuộm, làm phân-hóa-học v.v.

Sự xuất-hiện của cơ-khí và các kỹ-nghệ mới đó có ảnh-hưởng sâu-xa về kinh-tế và xã-hội.

Trước hết, vì các máy to và đắt nên những người làm phải tập-trung lại một nơi, không thể ở tản mát trong các gia-đình hay khắp mọi nơi thôn-quê như trong các tiểu-công-nghệ. Sự sản-xuất bằng máy móc rất phức-tạp nên các thợ-thuyền phải hợp lại để phân-chia công-việc,

(Xem tiếp trang 31)

đọc sách mới

Trần tiên Sau
lũy tre Đờn nay.
— Hồ Dzếnh
Quê ngoại Tủ
Sách Nguyên
Hà.

Ông Trần Tiên
là nhà văn đầu
tiên đã tả nỗi
tâm - hồn đặc
biệt của dân
quê Việt-Nam,
tương là bình
dị mà hóa ra

lúc tập. Hai tác-phẩm trước của ông, *Con Trầu*
và *Chồng Con*, làm cho nhiều người nhận ra rằng
phải là người Việt-Nam thì mới hiểu được tâm hồn
Việt-Nam. Những chuyện sơ sài, nông cạn của E,
Nolly hay của J. Marquet chỉ ghi được những bóng
mờ của dân quê ta mà thôi.

Trong tập truyện ngắn *Sau lũy tre* mới xuất bản
này, đồng ruộng chỉ còn là khung cảnh, các nhân
vật đã không phải hoàn toàn là dân quê nữa.
Nhưng chúng ta vẫn còn được thấy giọng văn nhẹ
nhàng, sáng sủa, cốt truyện trong trẻo, dẫn dị là
là những cái đặc-diểm của ô. Trần. Tuy vậy, người
ta vẫn phải phật ý về một điều, là ô. Trần đã đề
cho những tư-tưởng riêng của ông lộ liễu quá. Ngày
xưa, lúc mới đọc văn của ông trong báo *Ngay Nay*
tôi vẫn hơi khó chịu vì giọng văn mỉa mai ông dùng
để tả các phong-tục quê mùa. Đành rằng tác giả có
quyền phê phán triết-lý riêng của mình nhưng phải
nên phê phán làm sao cho khéo để cho độc-giả khỏi
bất mãn. Đến nay lập truyện ngắn này lại có vẻ
một tập truyện có luận-đề. Tuy ông không muốn
mà độc giả vẫn có cảm-tưởng rằng ông muốn đem
khoe những lý-thuyết khoa-học của ông và vì thế
mà họ hơi bức rộc. Cái gì là cái tôi mà chả đáng
ghét. Giá không có cái lỗi đó, thì chúng ta sẽ được
tận hưởng cái vui khi đọc tập chuyện rất là quyến-
dũ.

Ông Hồ Dzếnh vốn là người minh-hương nên tên
sách mới là *Quê ngoại*. Tập thơ đó cốt để khen ngợi
vẻ đẹp của đất nước Việt Nam; trên đầu sách có
ba chữ « kinh dâng mẹ » mà bài thơ đầu tiên là đề
tán dương đức hy-sinh của cô gái Việt-Nam.

Giọng thơ cũng như văn xuôi của ông dẫn dị,
trong trẻo. Về một phương-diện, đó là cũng là một
đức tính đáng quý. Vì thế *Quê-Ngoại* có nhiều câu
thơ may mắn như câu:

*Trời trong đến nỗi không mây,
Cây im đến nỗi bóng đầy mặt sân.*

*Trời không nắng cũng không mưa,
Chưa hui hui gió cho vừa nhớ nhung.*

Nhưng tiếc thay ô. Hồ đã không mang lại một
nguồn cảm hứng mới. Mấy bài thơ đầu của ông dễ
cho ta nhiều hi-vọng nhưng rồi sau ông cũng lại
quay về cái tình duyên vợ vắn, nhiều bề mặt thiếu
bề sâu, một cái tình duyên của một đôi giai gái
nhớ-nhưng vừa vừa. Tập thơ *Toi et Moi* của Gerald
chẳng lấy gì làm hay cho lắm nhưng chết nỗi nó
lại dễ cảm tâm hồn trung bình của người Việt-Nam
và vì thế mới có cái lối thơ nhớ thương dàu dậu
mà hầu hết các nhà thơ của thế kỷ này đều ca hát.
Thế là đủ làm cho tôi không đắm thắm với *Quê
Ngoại* lắm rồi. Huống hồ ô. Hồ lại không chịu khó
đứt bỏ những hình-ảnh mà các nhà thơ thừa xưa
đã dùng, như trong câu:

*Hồn say giấc bướm, miệng cười về hoa
Nước chong, hồ ngọc thủy tinh, xanh*

Ông lại dùng cả những chữ cổ sẵn của các nhà
thơ cùng thời như « *sầu vạn cổ* » và ông đã nhớ
nhiều các thơ của họ khi ông làm thơ ông. Sự dẫn
dị của ông có lúc lại đưa ông đến cái chỗ « về »,
một cái đồng lầy mà ít người làm thơ lục-bát tránh
thoát.

Cuối tập thơ của ông, có cả một bài dịch tập
Fleurs du mal của Beaudelaire. Bài dịch thật không
đúng nghĩa chút nào lại có nhiều câu buồn cười
như:

Má hồng thoảng nụ cười thanh

Chúng tôi xin chúc ông nhiều sự may mắn hơn
trong một tập thơ sau.

L. H. V

KÍNH CÁO CÁC BẠN ĐỌC

Vì giá vật liệu và tiền in lên
cao vọt hơn năm ngoái gấp bội,
nên bắt buộc chúng tôi phải
tăng giá báo từ 0\$25 lên 0\$35,
bắt đầu từ số 32 trở đi (3 th.
2\$00, 6 th. 3\$90, 12 th. 7\$60.
Xin các bạn đọc lượng thứ.

Với những bạn mua năm đã trả
tiền rồi chúng tôi xin tính theo
giá cũ còn các bạn chưa trả tiền
xin tính trả ngay tiền những số đã
gửi theo giá cũ và nhân thẻ gửi
trả tiền mua hạn sau theo giá mới

CUỘC TIẾN HÓA...

(Tiếp theo trang 29)

Từ cuối thế-kỷ 18 ở Anh và vài nơi ở Pháp đã có nhiều « nhà máy » (usines) đồ-sộ họp hàng nghìn thợ-thuyền. Dân-số các nơi kỹ-nghệ phát đạt tăng lên rất nhanh ; không những thế từ các miền thôn-quê dân cũng dồn về cả các tỉnh thành làm kỹ-nghệ. Thí-dụ như ở nước Anh, các miền bắc và tây, nhiều mỏ và nhiều nhà máy dệt, thành đông-đúc hơn các miền ở phía Nam.

Đến thời-kỳ này, người làm kỹ nghệ không chịu phụ-thuộc vào nhà buôn nữa. Đứng đầu những cơ-quan sản-xuất to và mạnh-liệt, họ tìm cách để mua lấy nguyên-liệu và bán lấy sản-phẩm của mình ; họ lập ra nhiều chi nhánh ở các nơi để trực-tiếp với người tiêu-thụ và người sản-xuất nguyên-liệu.

Sự thương-mại thành phụ-thuộc của sự sản-xuất.

Nhưng vì cơ khí dùng để sản-xuất đắt quá nên thợ-thuyền không có quyền sở-hữu nữa ; họ thành những người vô-sản chỉ đem sức để

nuôi thân, không có quyền-lợi gì về các đồ dùng để làm việc.

Thật ra thì nhà kỹ-nghệ cũng không phải hoàn toàn là chủ các thứ đó ; các nhà máy thường cần dùng những số vốn to quá sức một người hay một gia-dình : nó thường là của công cộng của những hội hợp-cổ mà nhà kỹ-nghệ đứng chỉ-huy chỉ là người thay mặt. Riêng ở nước Anh, sau năm 1822 trở đi, hơn 600 hội lập thêm ra để kinh-doanh về bảo - hiểm, mỏ, hỏa - xa, vận-tải v. v.

VŨ VĂN HIỀN
(còn nữa)

NGÃ BA NGÃ BA NGÃ BA

(Tiếp theo trang 28)

làm đệ-tử, hay sẽ phải làm ông thầy chữa bệnh thần-kinh cho anh. Tôi sợ lắm, sợ cho anh và sợ cả cho tôi nữa, anh Lượng.

LƯỢNG. — Những lời nói của anh hãy còn là những lời nói mê tối. Rồi tôi sẽ làm cho anh sáng suốt mà tin ở tôi, tin ở anh, và tin ở cuộc Sống, anh Mạnh ạ. Anh hãy nghe tôi nói, nghe bằng cả tâm-hồn anh, vì tôi nói bằng cả tâm hồn tôi.

Xa xa bỗng có tiếng trống điểm canh năm. Lượng kêu lẻ ngọn đèn. Ngồi tượng Phật sáng lung linh, trong khi ngoài vườn ánh trăng mờ mịt, và trong phòng, than lò sưởi đã tắt ngụi từ bao giờ, để chìm cả cái cảnh tượng tên Bộc ngủ say vào trong bóng tối đen.

LƯỢNG. — Tất cả cái khổ của chúng ta từ trước đến nay, nguồn gốc ở điều này : mỗi người chúng ta mang nặng nề một cái TỐI cách biệt với muôn ngàn cái TỐI khác. Mỗi người chúng ta đã tự xây một bức thành bao kín, như con tằm tự vương mãi giây oan... Ôi ! hẻo lánh là chừng nào ! hiu quạnh là chừng nào ! mịt mù thăm thiết !...

Trong khi Lượng nói thì màn hạ dần dần cho đến tiếng cuối cùng thì màn khép hẳn...

HẾT HỒI THỨ HAI

(Kỳ sau đăng tiếp)
ĐOÀN PHÚ TÚ



D
O
I
N
A
Y

ĐẦU

AVRIL 1943
Giai phẩm

Một công trình đặc biệt về
tinh thần và hình thức

Kết quả sự gắng sức của nhiều nhà văn có tiếng :
TRẦN-TIÊU, BÙI-HIỀN, THANH-TỊNH, NGUYỄN-
TUÂN, HỒ-DZẾNH, TƯỚNG-BÁCH, THẾ-LŨ TÓ-
NGỌC-VÂN, TÚ-MỖ, ĐÌNH-HÙNG, HUYỀN-KIỆU,
và VŨ-HOÀNG CHƯƠNG.

Trình bày : **TÔ - NGỌC - VÂN** Phụ bản : **NGUYỄN-GIA-TRÍ**

Thông chệ PÉTAIN đã nói :

Vì nghĩa-vụ, Bản-chức phải coi những kẻ buôn thắm bán lén như những người phá-hoại sự thống-nhất của nước Pháp.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN

SẮP PHÁT HÀNH:

THANH NIÊN và THỰC-NHIỆP

của LÊ VĂN SIÊU

Bản về cách chọn nghề của thanh niên và cách hoạt động về thực-nghiệp để hoạt-động sự thành công

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Khảo về cuộc tiến hóa đồ sộ của loài người từ thượng cổ đến hiện đại

ĐÃ XUẤT BẢN:

THĂNG KINH

tiểu thuyết giáo dục của

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá. 3\$50

NGUYỄN DƯ và TRUYỀN KIỀU

của

NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá. 3\$50

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TÂM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ-doãn)

Chuyên môn nhuộm tóc và uốn tóc bằng máy điện.

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 1^{er} Avril 1943

- Tình hình tiểu-công-nghệ trong hai năm vừa qua
- Chính thể tổng thống
- Cuộc tiến-hóa của nền tư bản Âu tây,
- Á. Q. chính truyện
- Đọc « Việt-Nam cổ-văn học-sử »
- Ngã ba hồi thứ ba
- Thân thể và sự nghiệp bác-sĩ Yersin
- Các lỗi hải hước của người Pháp và người Nam và cách « phản ngữ » trong văn chương (tiếp theo).
- Chương trình đi thăm Bắc-Ninh—Đáp-Cầu,
- Ý-nghĩa Xuân-Thu nhấ-tập
- Trò Lưu Bình Dương Lễ

VŨ ĐÌNH HÒE
PHAN ANH
VŨ VĂN HIỀN
ĐẶNG THÁI MAI DỊCH
THANH TUYỀN
ĐOÀN PHÚ TỬ
VŨ VĂN CẦN

VŨ BỘI LIÊU
NGUYỄN THIỆU LÂU
Đ. P. T.
NG. X. KHOÁT sao lục

— Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn tại 214 phố hàng Bông Hanoi